

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

Địa chỉ: 282 Lê Văn Sỹ - Phường 1 - Quận Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 38.442.414 - 38.444.633





BÁO CÁO

THƯỜNG NIÊN 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

THÔNG DIỆP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ Đông,

Năm 2015, sản xuất nông lâm và thủy sản nói chung phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức. El Nino gây ra nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan và bất thường. Thị trường nông, thủy sản có nhiều biến động và giá cả nhiều mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực giảm. Giá nông sản trong nước thấp, đặc biệt là giá ngô thương phẩm xuống thấp nhất trong nhiều năm qua. Tăng trưởng GDP nông nghiệp năm 2015 chỉ đạt 2,2% thấp nhất trong vòng 5 năm qua. Kim ngạch xuất khẩu của hàng nông sản giảm tới 2,6% so với năm 2014.

Với thị trường kinh doanh còn nhiều khó khăn Công ty Giống cây trồng miền Nam (SSC) đã có một năm không thành công. Đánh giá sai thị trường nên một số hàng hóa đã không ổn định ảnh hưởng đến việc kinh doanh. Bên cạnh đấy chất lượng của một số sản phẩm chưa đạt yêu cầu đã dẫn đến việc doanh thu hợp nhất cả năm đạt 522,15 tỷ đồng, đạt 71,96% so kế hoạch và đạt 86% so với 2014. Năm 2015 cũng là năm Công ty đã không đạt tỷ lệ cơ cấu sản phẩm khoa học công nghệ (KHCN) dẫn đến việc nộp thuế tăng. Thêm vào đó công tác bảo quản hàng hóa chưa tốt dẫn đến giảm chất lượng, mất giá trị tương đương với 10% lợi nhuận/năm. Do đó lợi nhuận sau thuế hợp nhất chỉ được 46,4 tỷ đồng, đạt 48,74% so kế hoạch & đạt 54% so với năm 2014.

Mặc dù, Công ty có một đội ngũ nghiên cứu tốt, có chuyên môn kỹ thuật cao nhưng chưa phát huy được thế mạnh. Công tác kinh doanh dự báo thiếu chính xác. Việc cập nhật thị trường chưa được nhanh nhạy và tương tác giữa Kinh doanh – Marketing – Nghiên cứu chưa xuyên suốt dẫn đến chưa nhận biết được thị trường đầy đủ. Việc này đã ảnh hưởng nhiều đến doanh thu Công ty. Thêm vào đó công tác tài chính tình trạng công nợ tăng cao, công tác thu hồi công nợ chưa đạt kết quả tốt.

Năm 2015 khởi đầu cho một nhiệm kỳ mới và HĐQT đã cùng với Ban Điều hành thực hiện rà soát đánh giá thực trạng Công ty trong toàn bộ các lĩnh vực như Tổ chức bộ máy; Nhân sự; Kế hoạch đầu tư; Nghiên cứu; Sản xuất; Quản lý chất lượng; Kinh doanh; Quản lý tài chính.

Công ty đã thực hiện xong việc tái cấu trúc Công ty giai đoạn 1, cụ thể: (i) Bổ sung và xây dựng mới cơ cấu bộ máy tổ chức ở Công ty và từng đơn vị. (ii) Sắp xếp, định biên lao động, bổ nhiệm nhân sự phù hợp với năng lực, nhiệm vụ và nâng cao trách nhiệm của từng bộ phận. (iii) Xây dựng, sửa đổi hệ thống quy chế quản trị:

- ✓ Xây dựng và giao mục tiêu đến từng đơn vị, cá nhân người động.
- ✓ Xây dựng chiến lược nghiên cứu sản phẩm theo hướng yêu cầu thị trường
- ✓ Thực hiện chế độ lương khoán đối với bộ phận sản xuất và trả lương theo mục tiêu công việc...

Năm 2015 cũng là năm Công ty bắt đầu quay lại với tiêu chí “tận dụng thế mạnh nghiên cứu” và một số giống triển vọng được nghiệm thu chuyên phát triển sản phẩm đưa vào kinh doanh:

- ✓ Giống lúa lai KC06 -1, giống lúa thuần Đài Thơm 8, Kim Cương 111, Bắc Thơm 7; bắp vàng SSC601 (P2P), bắp nếp CX162 (CX247); Đậu Xanh Mầm 1.8, One Time; Dưa hấu Gold Cup, Thanh Thiên.
- ✓ Công nhận chính thức giống Max One, SSC7830; công nhận sản xuất thử giống Nam ưu 901, KC06-1, Max68, SSC077. Đăng ký bảo hộ 2 giống, 3 dòng bắp nếp, 3 giống lúa thuần, 9 dòng bố mẹ lúa lai; 2 giống đậu xanh.

Bước sang năm 2016 với tình hình kinh tế tăng trưởng chậm lại và hiện tượng El Nino, chúng tôi đánh giá môi trường kinh doanh nông nghiệp sẽ còn nhiều khó khăn. Công ty cũng sẽ bước vào tái cấu trúc giai đoạn hai với tiếp tục tái cơ cấu bộ máy sao cho tinh gọn và hiệu quả hơn. Năm 2016 sẽ là một năm nhiều thử thách cho Công ty nhưng chúng tôi tin rằng sau khi tái cấu trúc Công ty sẽ hiệu quả hơn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn trân trọng tới Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Đối tác đã luôn ủng hộ, đồng hành cùng SSC; cảm ơn toàn thể cán bộ nhân viên Công ty vì những đóng góp, sáng tạo và n. lực mà các bạn đã làm để cùng SSC vượt qua khó khăn và xây dựng Công ty ngày một vững mạnh hơn nữa.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2016

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Thị Lệ Hằng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

Mục lục

THÔNG TIN CHUNG	1
Thông tin khái quát	
Quá trình hình thành và phát triển	
Ngành nghề và địa bàn hoạt động	
Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức	
Định hướng phát triển	
Rủi ro	
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	17
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	
Tổ chức và nhân sự	
Tình hình hoạt động đầu tư	
Tình hình tài chính	
Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu	
BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	33
Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh	
Tình hình tài chính	
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý	
Kế hoạch phát triển trong tương lai	
Giải trình của Ban Tổng Giám đốc với ý kiến kiểm toán	
BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	49
Đánh giá các mặt hoạt động của công ty	
Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	
Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị	
QUẢN TRỊ CÔNG TY	57
Hội đồng quản trị	
Ban kiểm soát	
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích	
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015	70

THÔNG TIN CHUNG



- ✓ Thông tin khái quát
- ✓ Quá trình hình thành và phát triển
- ✓ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- ✓ Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- ✓ Định hướng phát triển
- ✓ Rủi ro

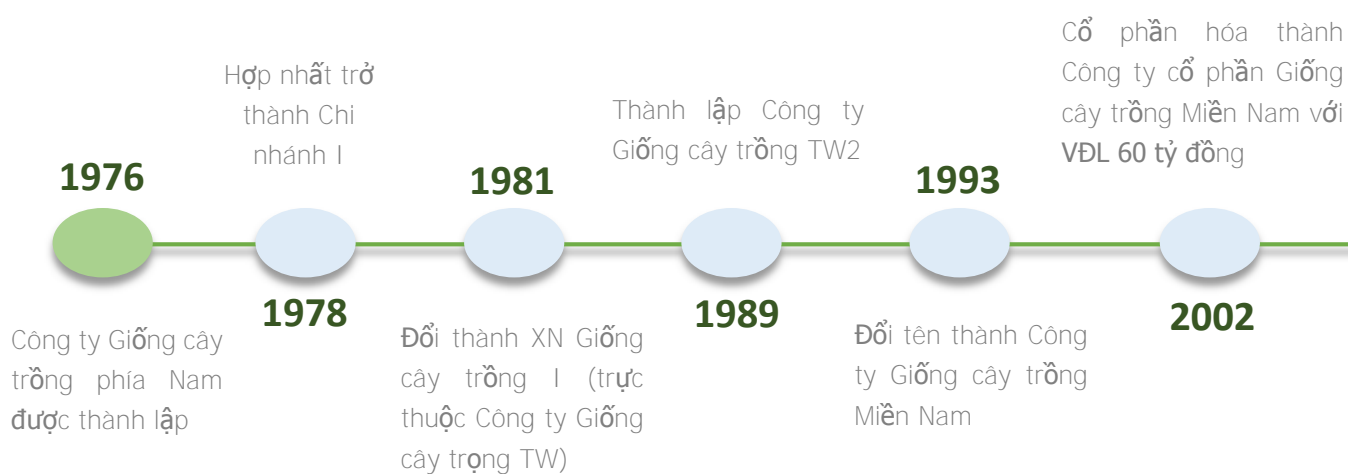


THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên công ty** : CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
- Tên tiếng anh** : SOUTHERN SEED CORPORATION
- Tên viết tắt** : SSC
- Giấy CNĐKDN** : Số 0302634683 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM cấp ngày 24/06/2002, thay đổi lần thứ 7, ngày 02/07/2014
- Vốn điều lệ** : 149.923.670.000 VNĐ
- Địa chỉ** : 282 Lê Văn Sỹ - Phường 1 - Quận Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại** : (08) 3844.2414
- Số fax** : (08) 3844.2387
- Website** : www.ssc.com.vn
- Email** : southernseed@ssc.com.vn



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN





Thành lập Phòng Marketing & PTSP, Sáp nhập Trung tâm Giống Rau hoa vào Trung tâm Nghiên cứu Giống cây trồng miền Nam. Thành lập Trại GCT Tân Hiệp

2015

Thành lập Nhà máy chế biến Trà Vinh, đón nhận huân chương Độc lập Hạng Ba.

Công ty được công nhận là Doanh nghiệp Khoa học Công nghệ. Thành lập chi nhánh Campuchia và chi nhánh Miền Trung.

Phát hành 4.000.000 cổ phiếu nâng VĐL lên 100.000.000.000 đồng

2005

Cổ phiếu Công ty mã SSC chính thức được niêm yết tại TTGDCK TPHCM

2007

Phát hành thêm 4.499.427 cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu và 492.940 cổ phiếu ưu đãi cho HĐQT, BSK, CBCNV, nâng VĐL lên 149.923.670.000 đồng.

2010

2012

2013

Thành lập Văn phòng Đại diện tại Lào và Chi nhánh Trung tâm Giống Rau Hoa – SSC

2014



CÁC THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Năm 1980: Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng 3 cho Công ty. Lúc đó SSC là đơn vị thành viên Công ty Giống cây trồng Trung Ương.

Năm 1998 đến 2003: Giải thưởng Bông Lúa vàng Hội chợ Nông nghiệp Quốc tế Cần Thơ 5 năm liền.

Năm 2001: Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng 1 cho Công ty.

Năm 2005: Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động cho tập thể CBNV Công ty.

Năm 2008: Cúp vàng “Thương Hiệu Chứng Khoán Uy Tín & Công Ty Cổ Phần hàng đầu Việt Nam”.

Năm 2008: Danh hiệu “Doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam - Lào - Cambodia” năm 2008 do Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ công nhận.

Năm 2013: Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Độc lập Hạng 3 cho Công ty.

Năm 2014: Đón nhận Huân chương Độc lập Hạng ba và Lễ Khánh thành Trung tâm Giống Rau Hoa –SSC

Năm 2015:

- ✓ Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen Doanh nghiệp đã có đóng góp tích cực Xây dựng Nông thôn mới từ năm 2010 đến năm 2015, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ Quốc (theo Quyết định số 1142/QĐ-TTg, ngày 21/07/2015);
- ✓ Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen đã có thành tích trong phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng Nông thôn mới” Giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và Bảo vệ Tổ quốc (theo Quyết định số 1687/QĐ-TTg, ngày 01/10/2015);
- ✓ SSC nhận giải thưởng Doanh nghiệp vì Nhà Nông; Giải thưởng “Bông lúa vàng; Bằng khen Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT;





MỘT SỐ THÀNH TÍCH QUAN TRỌNG KHÁC

- ✓ Thương hiệu Chứng khoán Uy Tín & Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam;
- ✓ Bằng khen của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, Cờ thi đua do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trao tặng;
- ✓ Được bình chọn là Hạt giống Vàng Việt Nam cấp 5 sao;
- ✓ Được cấp giấy chứng nhận Doanh nghiệp Khoa học công nghệ;
- ✓ Top 200 Forbes ,Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh 2013;
- ✓ Giải thưởng Doanh nghiệp Đổi mới sáng tạo;
- ✓ Giải thưởng " Sản phẩm, dịch vụ, thương hiệu tiêu biểu năm 2014";
- ✓ Nhân hiệu nổi tiếng, nhân hiệu cạnh tranh năm 2014;
- ✓ Giải thưởng điển hình sáng tạo nông nghiệp Việt Nam năm 2014;
- ✓ Cup vàng Top ten thương hiệu Việt - Ứng dụng KHCN lần thứ 2 năm 2014;
- ✓ Cup vàng Tam Nông;
- ✓ Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam.





NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

- ✓ Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại;
- ✓ Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, vật tư nông nghiệp;
- ✓ Thiết kế, chế tạo, lắp đặt, xuất nhập khẩu các loại máy móc thiết bị;
- ✓ Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật;
- ✓ Kinh doanh bất động sản;
- ✓ Hoạt động dịch vụ trồng trọt; kiểm nghiệm và chứng nhận chất lượng giống cây trồng nông nghiệp.

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG		SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CHÍNH
TRONG NƯỚC	NƯỚC NGOÀI	
<ul style="list-style-type: none"> ✓ Tp. Hồ Chí Minh ✓ Tiền Giang ✓ Cần Thơ ✓ Lâm Đồng ✓ Bình Dương 	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Hà Nội ✓ Đắk Lắk ✓ Hưng Yên ✓ Quảng Nam ✓ Trà Vinh 	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Lào ✓ Campuchia
		<ul style="list-style-type: none"> ✓ Hạt giống bắp ✓ Hạt giống lúa ✓ Hạt giống rau ✓ Vật tư nông nghiệp ✓ Và các sản phẩm khác



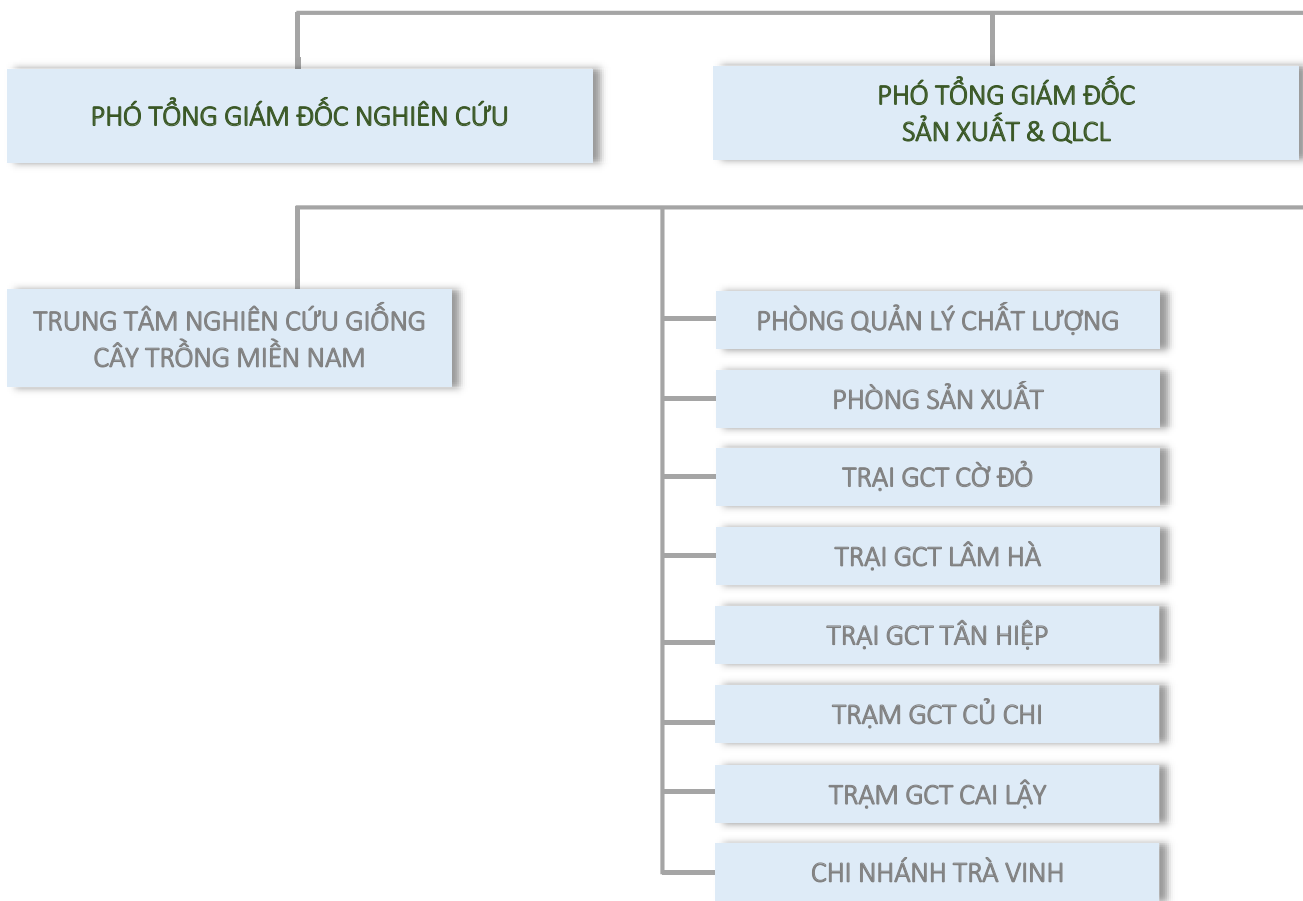
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC

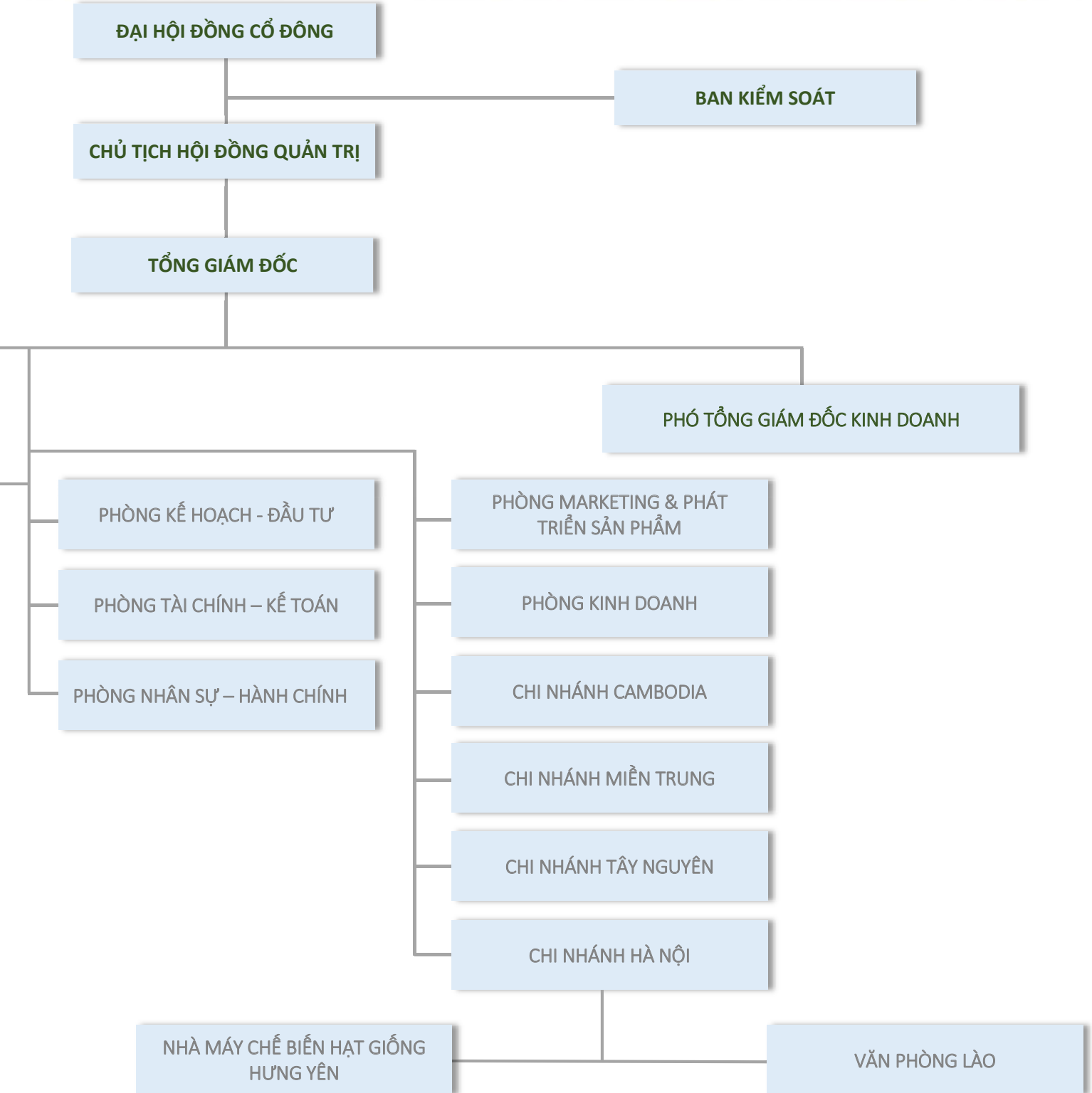
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

- ✓ Công ty Cổ phần giống cây trồng Miền Nam hoạt động theo mô hình quản trị được xây dựng và tổ chức hoạt động theo Luật doanh nghiệp Việt Nam 2005 & Luật Doanh nghiệp 2014 với các thiết chế quan trọng gồm ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc. Là một Công ty đại chúng niêm yết khá lâu trên Thị trường chứng khoán, Công ty áp dụng chặt chẽ, bám sát quy định, hướng dẫn của các Quy định hiện hành về cấu trúc HĐQT cũng như vai trò của BKS.
- ✓ Hiện nay, HĐQT của Công ty gồm 05 thành viên nhiệm kỳ mới là 5 năm (từ 2015 - 2019), trong đó có 01 thành viên là thành viên độc lập không điều hành. HĐQT chịu trách nhiệm giám sát và chỉ đạo các mặt hoạt động của Công ty.
- ✓ Bên cạnh HĐQT, Ban kiểm soát cũng là một thiết chế quan trọng đóng vai trò kiểm tra, giám sát hoạt động của HĐQT và các thành viên trong HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Trong SSC, Ban kiểm soát là một cơ quan độc lập thực sự gồm 03 thành viên không phải là người có liên quan đến các thành viên HĐQT, Ban điều hành, hoạt động độc lập với bộ máy điều hành và có chức năng quan trọng là thực hiện công tác giám sát để bảo vệ quyền lợi cho cổ đông, bảo vệ công ty và những người có quyền lợi liên quan đến SSC. Nhiệm kỳ hoạt động của Ban kiểm soát là 05 năm.



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ







CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

✓ Công ty cổ phần Giống cây trồng Nam An

Địa chỉ trụ sở chính: Xã Diễn Thịnh, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An

Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng, công ty SSC sở hữu 70% vốn điều lệ

Chủ tịch HĐQT: Ông Trần Quốc Thạch

Giám đốc Công ty: Ông Hà Văn Hưng

Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán hạt giống, vật tư nông nghiệp, nông sản

✓ Công ty cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam

Địa chỉ trụ sở chính: 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ: 4.000.000.000 đồng công ty SSC sở hữu 83,74% vốn điều lệ

Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc: Ông Lê Thế Ngọc

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp
- Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Xây dựng công nghiệp, xây dựng dân dụng



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- ✓ Duy trì tốc độ tăng trưởng dương.
- ✓ Tập trung phát triển sản phẩm mới:
 - Bắp nếp: CX 247 (đến 2020: 183 tấn)
 - Bắp vàng: P2P (đến 2020: 362 tấn), C919 (đến 2020: 1.020 tấn)
 - Lúa lai: KC06-1 (đến 2020: 625 tấn), Nam ưu 209KBL (đến 2020: 239 tấn), Nam ưu 604KBL (đến 2020: 93 tấn)
 - Lúa thuần: Đài thơm 8 (đến 2020: 5.350 tấn), Kim Cương 111 (đến 2020: 1.000 tấn), Bắc Thơm 7 (đến 2020: 273 tấn).
- ✓ Doanh thu tăng trưởng bình quân: hơn 10% (tỷ lệ sản phẩm độc quyền đến 2020 là 45%).
- ✓ Lợi nhuận biên (lãi gộp): trên 30%
 - Chi phí bán hàng: tối đa 8% trên doanh thu thuần hàng năm;
 - Chi phí quản lý: tối đa 8% trên doanh thu thuần hàng năm.
- ✓ Mục tiêu thị phần:
 - Chi phối thị trường ngô nếp, tăng sản phẩm lúa thuần ở ĐBSCL.
 - Phát triển lúa lai nội địa và giảm dần lúa lai nhập khẩu; Phát triển các sản phẩm rau lai.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- ✓ Tiếp tục củng cố và phát triển tất cả các mặt hoạt động của công tác quản trị nguồn nhân lực để có thể đảm bảo đầy đủ số lượng và chất lượng đối với đội ngũ cán bộ, nhân viên nhằm thực hiện thành công kế hoạch SXKD trong 5 năm tới.
- ✓ Xây dựng chiến lược nghiên cứu - sản xuất - kinh doanh giai đoạn 2016 - 2020;
- ✓ Tập trung hoàn thành dự án "Tái cấu trúc và xây dựng mô hình quản trị công ty" trong năm 2016; từng bước điều chỉnh chính sách tiền lương phù hợp yêu cầu phát triển của Công ty; tăng cường sử dụng các chế độ khoán, thưởng một số hoạt động nhằm động viên CBNV kịp thời.
- ✓ Điều chỉnh chiến lược nghiên cứu phát triển một số sản phẩm chủ yếu; đẩy nhanh tiến độ công nhận giống mới theo dự án; đầu tư đủ nhân lực, cơ sở vật chất để tăng cường ứng dụng công nghệ sinh học hỗ trợ hoạt động chọn tạo giống.
- ✓ Củng cố công tác hoạch định kế hoạch sản xuất kinh doanh của SSC, từ đó xác lập kế hoạch, mục tiêu, chỉ tiêu cho các hoạt động, các đơn vị của Công ty.
- ✓ Đầu tư nâng cấp, đổi mới thiết bị, xây dựng mở rộng cơ sở vật chất kho tàng, máy móc thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu, sản xuất – chế biến – bảo quản và công tác quản lý.
- ✓ Củng cố và mở rộng các vùng nguyên liệu có điều kiện sinh thái phù hợp để sản xuất hạt giống bắp lai, lúa lai và hạt giống rau.
- ✓ Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án liên doanh với công ty Daewon để tăng lợi nhuận
- ✓ Triển khai công tác kế toán quản trị và kiểm soát nội bộ nhằm ngăn ngừa và hạn chế các rủi ro trong toàn Công ty và các công ty con.



CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, CỘNG ĐỒNG CỦA CÔNG TY

- ✓ **Đối với hoạt động sản xuất:** Quy trình sản xuất sản phẩm hạt giống, không gây ô nhiễm và thân thiện với môi trường;
- ✓ **Đối với người lao động:** Công ty đặc biệt quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động trong Công ty, tạo môi trường làm việc thân thiện, xanh, sạch. Tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành đối với người lao động. Đặc biệt, Công ty luôn đặt sự an toàn sản xuất lên hàng đầu, đảm bảo người lao động được trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động cần thiết trong quá trình sản xuất;
- ✓ **Đối với khách hàng:** Khách hàng chính của SSC là người nông dân, do đó, Công ty luôn tiếp cận sâu sát, hướng hoạt động sản xuất của Công ty đến nhu cầu chung của người nông dân, làm người bạn đồng hành cùng nông dân qua mỗi mùa vụ...;
- ✓ **Đối với Nhà đầu tư/Cổ đông hiện hữu của Công ty:** SSC luôn công khai minh bạch thông tin theo đúng các quy định của luật chứng khoán, thị trường chứng khoán cũng như đáp ứng thông tin được truyền tải đầy đủ đến Nhà đầu tư.



RỦI RO

Rủi ro về tăng trưởng kinh tế

- ✓ Tình hình kinh tế thế giới năm 2015 có nhiều biến động, nền kinh tế Mỹ có sự phục hồi, trong khi đó Trung Quốc lại đang trong quá trình giảm tốc, nỗ lực cho mục tiêu chuyển hướng kinh tế (giảm phụ thuộc vào xuất khẩu, tăng giá trị kinh tế tiêu dùng và dịch vụ). Bên cạnh đó, sự mất giá của đồng Euro và Yên Nhật, cùng với diễn biến chính trị phức tạp tại nhiều nơi trên thế giới đã gây ra không ít khó khăn cho quá trình phục hồi của nền kinh tế chung sau giai đoạn khủng hoảng.
- ✓ Kinh tế Việt Nam trở nên nổi bật trong bối cảnh ấy, tăng trưởng GDP năm 2015 của nước ta đạt 6,68% vượt mục tiêu 6,2% đề ra từ đầu năm, đây cũng là mức tăng cao nhất trong 5 năm qua tiếp tục chuỗi diễn biến tích cực trong quá trình phục hồi và phát triển. Trong thời gian tới, quá trình hội nhập kinh tế sẽ được thúc đẩy mạnh mẽ, điều này sẽ tạo ra cả cơ hội lẫn thách thức cho các doanh nghiệp.
- ✓ Với xu thế ấy, cạnh tranh là điều không thể tránh khỏi. Lĩnh vực nông nghiệp cũng không ngoại lệ, nông sản phải không ngừng nâng cao chất lượng, thương hiệu mới có thể giữ được thị phần. Hoạt động của SSC giữ vai trò rất quan trọng trong việc gieo trồng nông sản, chính vì vậy Công ty luôn nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung cấp, để đáp ứng tốt yêu cầu của ngành từ đó có thể thực hiện được kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

Rủi ro về biến động lãi suất

- ✓ Năm 2015 mặt bằng lãi suất có xu hướng giảm, theo Ngân hàng Nhà Nước Lãi huy động đã giảm 0,2-0,5% (một năm), Lãi suất cho vay cũng giảm 0,3-0,5% (một năm), đưa mặt bằng lãi suất giảm khoảng 50% so với cuối năm 2011. Hiện nay, lãi cho vay đang ở mức 6-9% (ngắn hạn), 9-11% (dài hạn).
- ✓ Để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, SSC có sử dụng đòn bẩy tài chính, hiện tại Công ty có các khoản vay tại một số ngân hàng, chính vì thế khi lãi suất thay đổi sẽ ảnh hưởng đến chi phí lãi vay của Công ty. Tuy nhiên với diễn biến lãi suất hiện tại, Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam đang quản trị tốt những ảnh hưởng từ rủi ro này.

Rủi ro về biến động tỷ giá

- ✓ Trung Quốc phá giá đồng Nhân dân tệ trong năm 2015 đã làm tăng lợi thế cạnh tranh của hàng hóa nước này tại thị trường nội địa, để hạn chế điều đó Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam cũng đã điều chỉnh tăng biên độ tỷ giá lên thêm 2%, điều này làm ảnh hưởng đến những doanh nghiệp có sử dụng ngoại tệ.
- ✓ Với phạm vi hoạt động không chỉ trong nước mà còn ở cả các nước ASEAN khác như Lào, Campuchia, Myanmar, Philippines, SSC có sử dụng ngoại tệ để phục vụ cho việc thanh toán. Khi tỷ giá thay đổi sẽ ảnh hưởng đến những khoản thu, chi ngoại tệ từ đó trực tiếp tác động đến kết quả kinh doanh của Công ty.



Rủi ro đặc thù

- ✓ Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố như quy hoạch kinh tế vùng, cơ cấu cây trồng, thời tiết, dịch bệnh, những điều này tác động trực tiếp đến mức tiêu thụ sản phẩm của SSC. Ngoài ra, sự cạnh tranh của các Công ty cùng ngành cũng tạo ra không ít khó khăn cho hoạt động của Công ty, do đó để có thể giữ và phát triển được thị phần, Công ty luôn linh động trong việc hoạch định các chính sách sản xuất và đầu tư của mình để có thể tạo được thế mạnh, vững bước phát triển.

Rủi ro môi trường

- ✓ Mảng hoạt động sản xuất hạt giống của Công ty có sử dụng thuốc bảo vệ thực vật ảnh hưởng nhất định đến môi trường. Chính vì thế, công tác theo dõi tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường luôn được Công ty chú trọng. Hiện tại, SSC đang sử dụng hệ thống công nghệ sản xuất tiên tiến, thân thiện với môi trường, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về vệ sinh, an toàn lao động. Sản phẩm của Công ty đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2008, tạo được nhiều niềm tin từ khách hàng.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



- ✓ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ✓ Tổ chức và nhân sự
- ✓ Tình hình hoạt động đầu tư
- ✓ Tình hình tài chính
- ✓ Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu

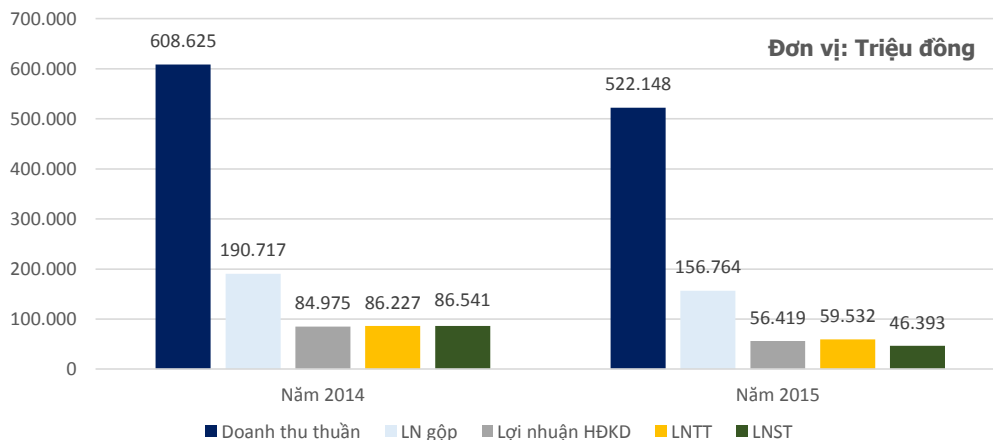


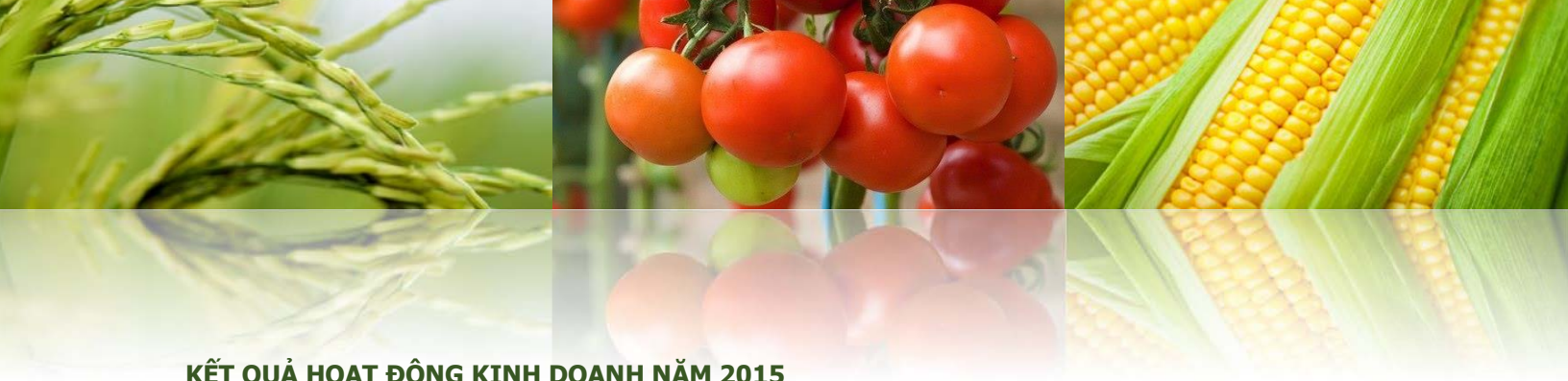
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2015

ĐVT: triệu đồng

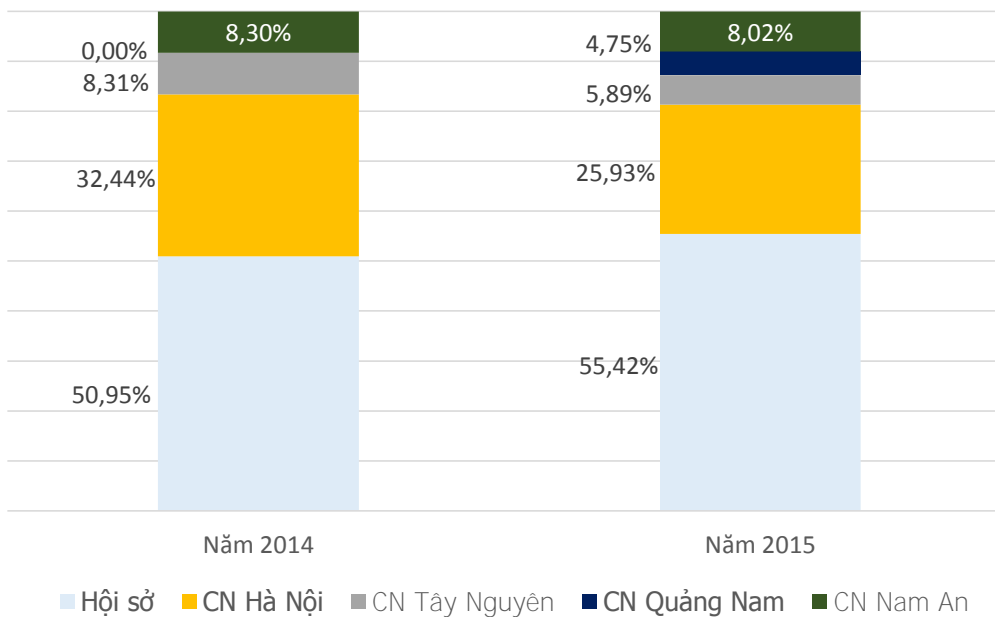
Chỉ tiêu	2014	2015	TH2015/TH2014
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	677.155	595.992	88,01%
Doanh thu thuần	608.625	522.148	85,79%
Giá vốn hàng bán	417.908	365.384	87,43%
Lợi tức gộp	190.717	156.764	82,20%
Doanh thu hoạt động tài chính	2.170	1.020	47,00%
Chi phí hoạt động tài chính	6.021	3.728	61,92%
Chi phí bán hàng	53.808	52.344	97,28%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	48.083	45.294	94,20%
Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	84.975	56.419	66,39%
Lợi nhuận khác - Tổng	1.252	3.113	248,64%
Lợi nhuận trước thuế	86.227	59.532	69,04%
Lợi nhuận sau thuế	86.541	46.393	53,61%





KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2015

Cơ cấu doanh thu theo trung tâm kinh doanh

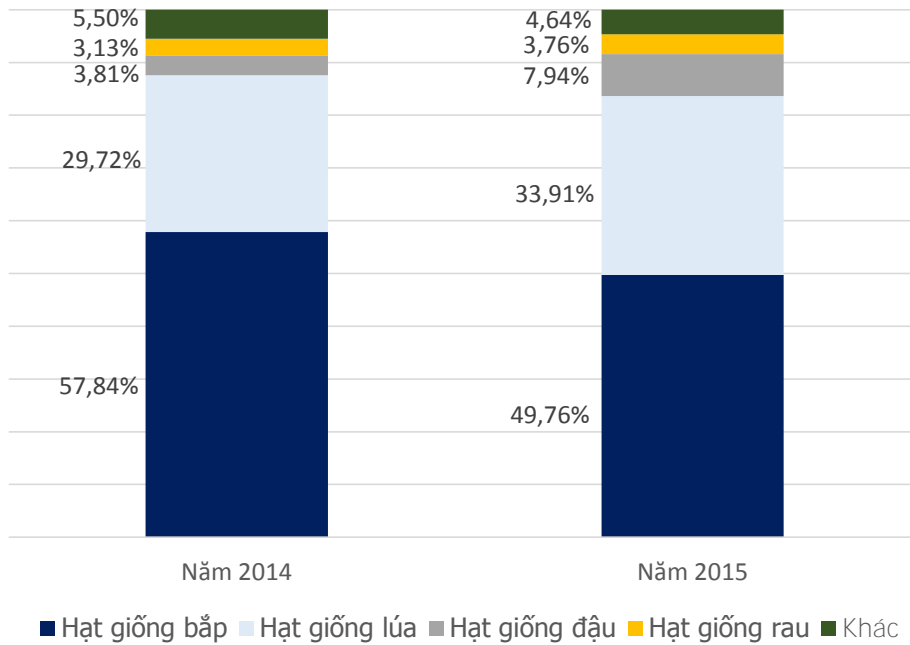


Đánh giá

- ✓ Năm 2015 là một năm hoạt động khó khăn đối với SSC, Công ty đã phải chịu áp lực cạnh tranh ngày càng lớn cả về chất lượng, quy mô thị trường và sản phẩm. Giá bắp nông sản tiếp tục sụt giảm, giá lúa cũng có sự biến động tương tự, trong khi đó giá đậu xanh lại gia tăng làm ảnh hưởng đến nhu cầu mua giống của nông dân. Yếu tố khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp, hạn hán, xâm nhập mặn xảy ra trên diện rộng, mùa Đông ấm diễn ra ở các tỉnh Bắc Trung Bộ làm thay đổi cơ cấu giống cây trồng.
- ✓ Kết quả cho thấy các chỉ tiêu lợi nhuận từ HĐKD, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế đều giảm so với năm 2014, trong đó lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 53,61% so với cùng kỳ.



Cơ cấu doanh thu theo nhóm sản phẩm



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2015

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014			Năm 2015			TH2015/TH2014
	KH	TH	TH/KH	KH	TH	TH/KH	
Doanh thu thuần	710,00	608,63	85,72%	725,6	522,15	71,96%	85,79%
Lợi nhuận sau thuế	95,00	86,54	91,10%	95,2	46,39	48,74%	53,61%



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Thành viên	Chức Vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ
Hàng Phi Quang	Tổng Giám đốc	44.587	0,29%
Nguyễn Hoàng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	50.818	0,34%
Dương Thành Tài	Phó Tổng Giám đốc	44.251	0,29%
Lê Tôn Hùng	Kế Toán Trưởng	11	0,00%

✓ Ông Hàng Phi Quang - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế - Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

Từ 1989-1993: Kế toán trưởng công ty GCT TW2

Từ 1993-2002: Kế toán trưởng, Phó Giám đốc Công ty XNK Côn Sơn

Từ 2002-2007: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP GCT miền Nam

Từ 2007-2008: Chủ tịch HĐQT, Phó TGD CTCP Giống cây trồng miền Nam

Từ 2008-2012 : Phó Chủ tịch HĐQT, TGD CTCP Giống cây trồng miền Nam

Từ 5/2012 đến tháng 4/2015: Chủ tịch HĐQT, TGD CTCP Giống cây trồng miền Nam

Tháng 5/2015 – nay : UV. HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Giống cây trồng miền Nam



✓ **Ông Nguyễn Hoàng Tuấn – Phó Tổng Giám đốc**

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Nông học

Quá trình công tác:

- Từ 1992-1996: Phó Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Giống Cây Trồng Miền Nam
- Từ 1996-2005: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Giống cây trồng Miền Nam
- Từ 2005-2012: Ủy viên HĐQT, Phó TGD CTCP Giống Cây Trồng Miền Nam
- Từ 5/2012-đến nay: Phó TGD CTCP Giống Cây Trồng Miền Nam

✓ **Ông Dương Thành Tài – Phó Tổng Giám đốc**

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Nông học

Quá trình công tác:

Từ 1997-2000: Trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty Giống cây trồng Tp. Hồ Chí Minh.

Từ 2000-2002: Nghiên cứu viên, Công ty Giống cây trồng miền Nam.

Từ 2002-2005: Trưởng phòng Nghiên cứu & Phát triển, CTCP Giống Cây Trồng Miền Nam

Từ 2005-2008: Ủy viên HĐQT, Trưởng phòng Nghiên cứu & Phát triển, CTCP Giống cây trồng Miền Nam.

Từ 2008 đến nay: Phó TGD phụ trách Nghiên cứu, CTCP Giống cây trồng Miền Nam



BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY (TT)

✓ Ông Lê Tôn Hùng – Kế Toán Trưởng

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 1993-1994 : Nhân viên Công ty Giày Hiệp Hưng
- Từ 1995 - 2012: lần lượt nắm giữ các chức vụ: Nhân viên/Phó Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam
- Từ 2012 đến nay: Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam





NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

- ✓ Trong năm 2015 cơ cấu Ban điều hành của Công ty có sự thay đổi, Giám đốc Tài chính đã nghỉ việc, bên cạnh đó vì lý do hết thời gian nhiệm kỳ hiện tại nên SSC đã tiến hành bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới (2015 – 2019) vào phiên họp Đại hội đồng Cổ đông 2015 diễn ra ngày 25/04/2015.
- ✓ Ông Hàng Phi Quang hiện là Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc, Bà Lê Thị Lệ Hằng giữ chức vụ Chủ tịch hội đồng quản trị của Công ty từ ngày 25/04/2015.

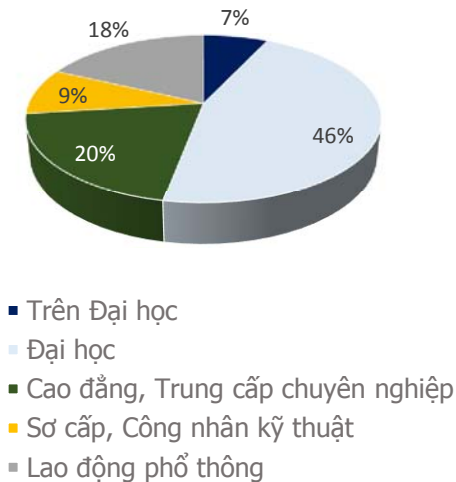
TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

STT	Tính chất phân loại	Năm 2015	Tỷ trọng
A	Theo trình độ	369	100%
1	Trình độ trên Đại học	25	7%
2	Trình độ Đại học	170	46%
3	Trình độ Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	72	20%
4	Sơ cấp, công nhân kỹ thuật	34	9%
5	Lao động phổ thông	68	18%
B	Theo đối tượng lao động	369	100%
1	Lao động trực tiếp	255	69%
2	Lao động gián tiếp	114	31%
C	Theo giới tính	369	100%
1	Nam	274	74%
2	Nữ	95	26%

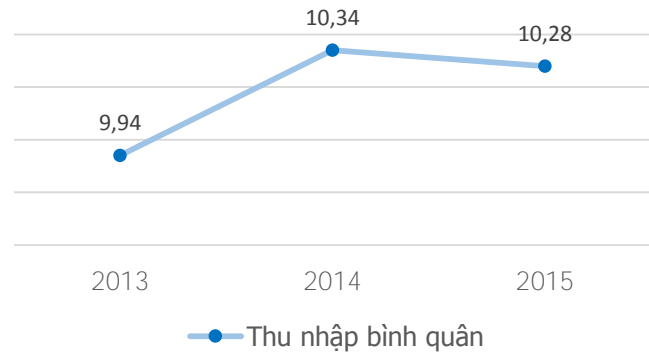


TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Cơ cấu lao động theo trình độ



Thu nhập bình quân (triệu đồng)



Các chính sách nhân sự

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ đối với người lao động theo quy định của Pháp luật (BHXH, BHYT, BHTN theo tiền lương thực nhận), duy trì các hoạt động tổ chức đoàn thể (Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên). Ngoài ra Công ty còn thực hiện tốt các chính sách liên quan người lao động như Bảo hiểm Tai nạn con người (24/24), khám sức khỏe định kỳ, duy trì trợ cấp nghỉ việc cho các cán bộ hưu trí, nâng lương, thưởng định kỳ các ngày Lễ trong năm; xét thưởng thi đua 6 tháng một lần, tham quan du lịch, CBNV được tham gia các chương trình đào tạo trong và ngoài nước.

Những hạn chế của nhân sự Công ty

- ✓ Hiện nay cán bộ quản lý cấp trung mới được bổ nhiệm, năng lực quản lý còn hạn chế nhất định, chưa đáp ứng yêu cầu ngay. Vì thế cần phải tăng cường huấn luyện/đào tạo công tác quản trị.
- ✓ Tinh thần, tự giác chấp hành quy chế hoạt động của CBNV vẫn còn kém, năng suất lao động hiện nay chưa cao dẫn đến tiền lương, thu nhập thấp. Chất lượng nhân sự mới tuyển dụng chưa tốt, tính ổn định không cao, cần phải đào tạo thêm.

Giải pháp khắc phục

Tiếp tục thay đổi mạnh mẽ hơn, các vị trí quản lý không đáp ứng thì chuyển công tác, thay thế hoặc luân chuyển. Xây dựng chế độ tiền lương, phúc lợi để khuyến khích/thu hút cấp lãnh đạo/quản lý. Tiếp tục đào tạo, quy hoạch nhóm cán bộ kế thừa để chuẩn bị nguồn lực thay thế cho các năm sau theo yêu cầu phát triển.



Công tác đào tạo nhân sự, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ

- ✓ Trong năm, Công ty đã đào tạo 403 lượt người (bao gồm hội thảo, đào tạo, tập huấn nghiệp vụ – quản trị) chi phí 321.351.000 đồng. Trong đó đào tạo nội bộ 153 lượt, đào tạo trong nước 248 lượt, nước ngoài 2 lượt người.
- ✓ Lĩnh vực đào tạo: nghiên cứu & CNSH chiếm 9%, sản xuất-CBBO chiếm 13%, QLCL chiếm 10%, nhóm kế toán 4%, nhóm hành chính, PCCC, An toàn lao động, pháp luật, kỹ năng quản lý chiếm 60%, khác chiếm 1%. Năm 2015 đã đẩy mạnh đào tạo nội bộ tổ chức, các khóa ngắn hạn: tập huấn/hội thảo/đối thoại về lao động, hải quan, thuế, đấu thầu, sản xuất, CNSH, CBBO, QLCL, chế độ chính sách, pháp luật, HCVP, đào tạo nhận thức và kịp thời đề xuất các khóa học trong nước phù hợp với chuyên môn của CBNV.
- ✓ Năm 2015, chú trọng đào tạo công tác về ATVSLĐ-PCCC cho bộ phận CBNV và công nhân các chi nhánh đảm bảo công tác an toàn, vệ sinh, phòng ngừa rủi ro và thực tập cách xử lý khi xảy ra sự cố tại các đơn vị cụ thể đào tạo cho VP công ty và chi nhánh (cụ thể VP công ty, CN Củ Chi, SRC, Lâm Hà, Tây Nguyên).
- ✓ Bên cạnh đó công tác đào tạo còn đẩy mạnh công tác đào tạo kỹ thuật sản xuất, nghiên cứu, kiểm định, lấy mẫu và cập nhật các quy định tài chính kế toán, pháp luật và nhân sự đối với các CBNV chuyên trách để nâng cao và bồi dưỡng kỹ năng đảm nhiệm công việc.
- ✓ Mục tiêu 2016, cần đẩy mạnh hơn trong công tác đào tạo nội bộ cho bộ phận kinh doanh, bán hàng, marketing hạt giống. Việc đào tạo không chỉ tập trung mà cần sự chủ động của các đơn vị trong việc đào tạo CBNV căn cứ trên mục tiêu giao việc.
- ✓ Đào tạo các chương trình kỹ năng quản lý cho các cấp quản lý, các cán bộ mới bổ nhiệm hoặc mới đảm nhận các vị trí công việc mới theo định hướng tái cấu trúc. Hỗ trợ các đơn vị Sản xuất, Nghiên cứu, QLCL đào tạo nội bộ cho các đơn vị để chủ động thời gian và tiết kiệm chi phí.





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

Tổng chi phí đầu tư, sửa chữa và bảo trì trong năm 2015 là 7.484,53 triệu đồng. Cụ thể:

- Chi phí đầu tư thực hiện các hạng mục năm 2015 là 5.026,04 triệu đồng, chỉ đạt 31,35% kế hoạch năm 2015.
- Chi phí sửa chữa trong năm 2015 là 1.813,86 triệu đồng
- Chi phí bảo trì thiết bị thực hiện các hạng mục năm 2015 là 644,63 triệu đồng, đạt 81,84 % kế hoạch năm 2015.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ NĂM 2015

ĐVT: triệu đồng

STT	ĐƠN VỊ	KH 2015	TH 6/ĐN	TH6TCN	TH2015
1	Trại GCT Cờ Đỏ	760,00	52,80	222,86	275,66
2	Trại GCT Lâm Hà	25,00	24,20	0	24,20
3	TTNC GCT Miền Nam (SRC)	895,00	-	711,77	711,77
4	Trạm GCT Củ Chi	2.100,00	186,56	0	186,56
5	Trạm GCT Cai Lậy	130,00	133,76	0	133,76
6	Chi nhánh Hà Nội	5.084,55	2.460,38	0	2.460,38
7	Chi nhánh Miền Trung	55,00	-	0	0
8	Chi nhánh Tây Nguyên	155,00	24,20	133,76	157,96
9	Nhà máy Trà Vinh	600,00	874,80	0	874,80
10	CVF	429,03	52,80	45,58	98,38
11	Trụ sở chính Công ty	5.800,29	102,58	0	102,58
TỔNG CỘNG		16.033,87	3.912,07	1.113,97	5.026,04



CHI PHÍ SỬA CHỮA TẠI CÁC ĐƠN VỊ CÔNG TY NĂM 2015

ĐVT: triệu đồng

STT	ĐƠN VỊ	TH 6ĐƠN	TH 6TCN	TH2015
1	Trại GCT Cờ Đỏ	172,08	119,07	291,15
2	Trại GCT Lâm Hà	98,00	0	98,00
3	Trung tâm Nghiên cứu GCT Miền Nam (SRC)	356,42	0	356,42
4	Trạm GCT Củ Chi	168,56	165,08	333,65
5	Trạm GCT Cai Lậy	420,83	0	420,83
6	Chi nhánh Miền Trung	0	87,17	87,17
7	CVF	55,69	170,96	226,65
TỔNG CỘNG		1.271,59	542,28	1.813,86

CHI PHÍ BẢO TRÌ TOÀN CÔNG TY NĂM 2015

ĐVT: triệu đồng

STT	ĐƠN VỊ	KH 2015	TH 6ĐƠN	TH6TCN	TH2015
1	Trại GCT Cờ Đỏ	110,88	117,48	0	117,48
2	Trại GCT Lâm Hà	50,93	50,93	0	50,93
3	Trạm GCT Củ Chi	404,53	249,34	0	249,34
4	Trạm GCT Cai Lậy	123,58	127,32	0	127,32
5	CN Tây Nguyên	59,84	59,84	0	59,84
6	Trại Tân Hiệp	37,95	39,72	0	39,72
TỔNG CỘNG		787,71	644,63	0	644,63



Tình hình thực hiện các dự án

- ✓ Dự án VBCF: Đã kết thúc và được giải ngân tài trợ 7,220 tỷ đồng.
- ✓ Đề tài KC06: Phối hợp với Ban chủ nhiệm đề tài KC06 tổ chức chào hàng cạnh tranh 02 gói thầu mua sắm thiết bị.
- ✓ Khu đất An Nhơn Tây Củ Chi: Đã nộp các hồ sơ theo như Công văn số 6502. Đã cập nhật/sang tên Giấy CN QSDĐ. Bổ sung đăng ký kế hoạch sử dụng đất hàng năm tại huyện Củ Chi và Đơn xin thuê đất cho Sở TNMT. Sở TNMT đã trình UBND Thành phố xem xét phê duyệt cho thuê đất theo quy định.
- ✓ Dự án đầu tư Trại Giống cây trồng Lâm Hà để xin Cấp Giấy chứng nhận đầu tư (làm thủ tục miễn giảm tiền thuê đất): Đã nộp bổ sung các hồ sơ theo yêu cầu của Sở KHĐT tỉnh Lâm Đồng.
- ✓ Nộp hồ sơ xin miễn giảm tiền thuê đất tại Chi nhánh Miền Trung (xin miễn 11 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất - 2013), dự kiến trong quý I/2016 sẽ có Quyết định của Cục Thuế tỉnh Quảng Nam về việc miễn tiền thuê đất.

Tình hình hoạt động các Công ty con

Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam (SSE) - Xem thông tin tại mục Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức (Công ty con, Công ty liên kết)

Hiện tại, SSE đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình hoàn tất hồ sơ cần thiết để xin phá sản theo quy định hiện hành. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty nắm giữ 83,74% phần vốn chủ sở hữu trong SSE.

CTCP Giống cây trồng Nam An (NAS) – Xem thông tin tại mục Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức (Công ty con, Công ty liên kết)

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015
Tổng doanh thu	Đồng	41.867.258.200
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	461.391.202
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	303.639.255



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT : Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2014	Thực hiện 2015	% tăng giảm
Tổng tài sản	523.380	501.293	-4,22%
Doanh thu thuần	608.625	522.148	-14,21%
Lợi nhuận từ HĐKD	84.975	56.419	-33,61%
Thu nhập khác	1.412	5.241	271,12%
Lợi nhuận trước thuế	86.227	59.532	-30,96%
Lợi nhuận sau thuế	86.541	46.393	-46,39%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Do việc tuân thủ Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định xử phạt số 977/QĐ-CT-XP ngày 31 tháng 03 năm 2015 ban hành bởi Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh, một số khoản mục có sự chênh lệch giữa thời điểm cuối kỳ trong BCTC 2014 và đầu kỳ trong BCTC 2015 (trong đó có khoản mục tổng tài sản và vốn chủ sở hữu) chính vì thế các chỉ số tài chính năm 2014 được tính dưới đây có sự khác biệt với số liệu trong Báo cáo thường niên năm vừa qua.

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,46	2,62	
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,30	0,99	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,31	0,28	
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	0,46	0,40	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,17	1,74	
Vòng quay tài sản	Vòng	1,23	1,02	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	14,22%	8,89%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	26,23%	12,92%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	17,46%	9,06%	
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	13,96%	10,81%	



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG VỐN CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Cổ phần phổ thông: 14.992.367 cổ phần

Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần

Số lượng cổ phần đang lưu hành: 14.930.955 cổ phần

Cổ phiếu quỹ: 61.412 cổ phần

Mệnh giá: 10.000 VNĐ

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG NĂM 2015 (Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 23/03/21016)

STT	Loại Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Cá nhân trong nước	725	2.080.993	13,88%
2	Cá nhân nước ngoài	136	172.096	1,15%
3	Tổ chức trong nước	27	12.602.472	84,06%
4	Tổ chức nước ngoài	7	136.806	0,91%
Tổng cộng		895	14.992.367	100,00%
1	CĐ sở hữu trên 5%	2	11.999.110	80,03%
2	CĐ sở hữu từ 1% đến 5%	2	661.216	4,41%
3	CĐ sở hữu dưới 1%	891	2.332.041	15,55%
Tổng cộng		895	14.992.367	100,00%



TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2015 Công ty không thực hiện tăng vốn điều lệ.

CÁC GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tổ chức/Cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung Ương	0101449271	Số 1, Lương Đình Của, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	9.219.130	61,49%
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	19/UBCK/GP	Tầng 5, Số 01 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	2.779.980	18,54%

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



- ✓ **Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh**
- ✓ **Tình hình tài chính**
- ✓ **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý**
- ✓ **Kế hoạch phát triển trong tương lai**
- ✓ **Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán**

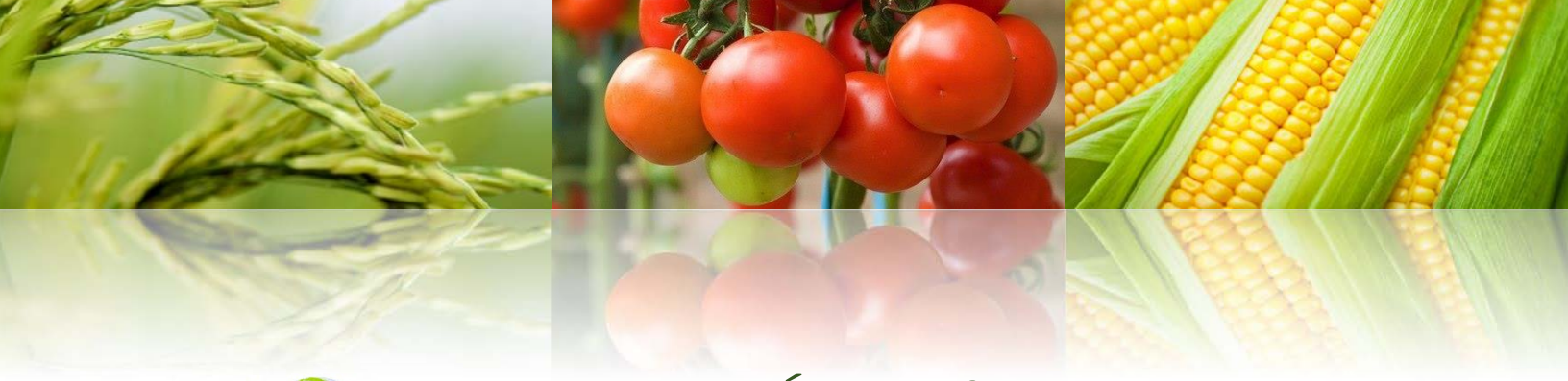


ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2014	KH 2015	TH 2015	TH/KH 2015	TH 2015/TH 2014
Doanh thu thuần	608,63	725,6	522,15	71,96%	85,79%
Lợi nhuận sau thuế	86,54	95,2	46,39	48,74%	53,61%

- ✓ Doanh thu cả năm so với cùng kỳ và kế hoạch chỉ có bắp nếp và đậu vượt kế hoạch, lúa thuần tăng hơn cùng kỳ nhưng không đạt kế hoạch. Cả năm 2015, về tình hình lãi gộp bị sụt giảm do có những sản phẩm phải giảm giá bán để cạnh tranh với các công ty khác cụ thể như lúa thuần, bắp Dekalb do đó không đạt mục tiêu lãi gộp. Lãi gộp chỉ có bắp nếp, đậu tăng so với kế hoạch và cùng kỳ tuy nhiên lãi gộp của toàn công ty vẫn sụt giảm 28 tỷ so với kế hoạch và 36 tỷ so với cùng kỳ.
- ✓ Giai đoạn 6 tháng cuối năm 2015 (dựa trên cơ sở tình hình kinh doanh của các đơn vị, công ty đã kịp thời điều chỉnh kế hoạch kinh doanh ngay sau sơ kết kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2015): giảm còn 301 tỷ đồng tuy nhiên doanh thu thực hiện chỉ đạt 223 tỷ, tỷ lệ sụt giảm lớn gồm bắp vàng, bắp Dekalb, lúa lai, vật tư nông nghiệp, cỏ...
- ✓ Trong thời gian ngắn công ty đã xác định lại kế hoạch kinh doanh rất sát với tình hình thị trường tuy nhiên các đơn vị vẫn chưa hoàn thành mục tiêu đã đặt ra cụ thể: VP công ty 161 tỷ nếu không tính doanh thu dự trữ quốc gia thì chỉ đạt 131 tỷ, đơn vị giảm nhiều nhất là CN Hà Nội thực hiện 43 tỷ, ảnh hưởng đến hoạt động chung của toàn công ty, CN Tây Nguyên còn rất yếu doanh thu 5,8 tỷ, CN Miền Trung dù chưa đạt mục tiêu nhưng đã có những nỗ lực đạt 65% Kế hoạch (doanh thu 12 tỷ).



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- ✓ Thiếu chiến lược phát triển Công ty về lâu dài, cơ cấu nhân sự thiếu đội ngũ kế thừa, đội ngũ cấp trung hiện nay chỉ đáp ứng được phần nào, công tác đào tạo không trọng tâm, chưa hiệu quả, chưa quản lý theo mục tiêu dẫn đến chưa tạo được trách nhiệm cho CBNV khi thực hiện công việc, cơ chế tiền lương thực hiện lâu dài nhưng thiếu cập nhật, quá lạc hậu (năm 2016 HĐQT cho phép tiền thưởng sẽ tương ứng với chất lượng, hiệu quả công việc).
- ✓ Công tác RD mặc dù có đội ngũ nhưng định hướng chưa phù hợp với thị trường, chưa có sản phẩm nổi bật, sự phối hợp giữa nghiên cứu và kinh doanh còn yếu do đó cần cải thiện công tác Marketing và PTSP. Sản xuất tập trung dẫn đến quá tải khâu sản xuất, CBBQ, vùng sản xuất lúa lai tỷ lệ sản xuất chưa thực hiện đầy đủ nên sẽ ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh năm 2016.
- ✓ Công tác quản trị tuy có đầy đủ các quy chế, quy định nhưng tính đồng bộ và kỷ cương thực hiện chưa quyết liệt dẫn đến chưa nghiêm, có sai sót lớn thể hiện sự thiếu trách nhiệm.
- ✓ Tình hình biến đổi khí hậu gây thiệt hại cách ly phải có biện pháp dự báo để bố trí phòng ngừa bằng những giải pháp phù hợp tránh rủi ro (cụ thể trường hợp cách ly không đạt ở Lâm Hà). Đối với các giống cũ cần duy trì tốc độ tăng trưởng hoặc cố gắng giảm chậm nhất có thể.



Chi phí đầu tư thực hiện các hạng mục năm 2015 là 5.026,04 triệu đồng, chỉ đạt 31,35% kế hoạch năm 2015.

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015
1	Trại GCT Cờ Đỏ	760,00	275,66
2	Trại GCT Lâm Hà	25,00	24,20
3	Trung tâm Nghiên cứu GCT Miền Nam (SRC)	895,00	711,77
4	Trạm GCT Củ Chi	2.100,00	186,56
5	Trạm GCT Cai Lậy	130,00	133,76
6	Chi nhánh Hà Nội	5.084,55	2.460,38
7	Chi nhánh Miền Trung	55,00	0
8	Chi nhánh Tây Nguyên	155,00	157,96
9	Nhà máy Trà Vinh	600,00	874,80
10	CVF	429,03	98,38
11	Trụ sở chính Công ty	5.800,29	102,58
TỔNG CỘNG		16.033,87	5.026,04

Chi phí sửa chữa trong năm 2015: 1.813,86 triệu đồng

Chi phí bảo trì thiết bị thực hiện các hạng mục năm 2015 là 644,63 triệu đồng, đạt 81,84 % kế hoạch năm 2015.

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

- ✓ Việc đầu tư mới thiết bị ở Nhà máy Trà Vinh đã góp phần rút ngắn thời gian sấy trái nhằm giảm áp lực cho Chi nhánh Củ Chi và Chi nhánh Cai Lậy.
- ✓ Việc đầu tư thiết bị mới cũng mang lại hiệu quả thiết thực ở Trại Cờ Đỏ, cụ thể: hai máy sấy mới trang bị đã có sự khác biệt rất lớn so với máy cũ: tốc độ sấy nhanh, giúp rút ngắn đáng kể hoạt động sấy tại Trại Cờ Đỏ.
- ✓ Tình trạng thiết bị sấy trên toàn Công ty đã bắt đầu xuống cấp nhanh, thời gian sấy trái, lấy hạt kéo dài, ô nhiễm do thiếu thiết bị lọc bụi và tình trạng trang thiết bị nhỏ lẻ, không đồng bộ gây khó cho công tác xử lý. Trang thiết bị lạc hậu và thiếu đồng bộ đã lộ rõ trên sản phẩm của SSC khi nhu cầu của thị trường đòi hỏi cao hơn rất nhiều về mỹ quan, về tính đồng đều của sản phẩm và cuối cùng là chất lượng của sản phẩm..v.v..



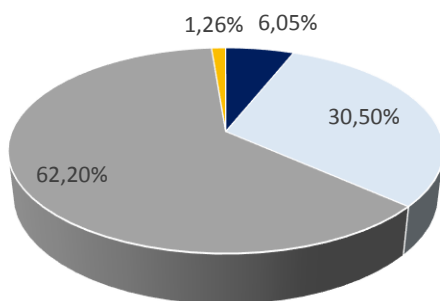
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Tỷ lệ 2015/2014
Tài sản ngắn hạn	400.092	370.292	92,55%
Tài sản dài hạn	123.287	131.001	106,26%
Tổng tài sản	523.379	501.293	95,78%

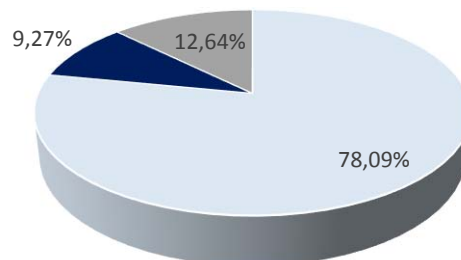
- ✓ Trong năm 2015, tổng tài sản của Công ty giảm nhẹ 4,22% so với cùng kỳ, trong đó tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn biến động trái ngược nhau. Tài sản dài hạn tăng trong kỳ do sự tăng lên của chi phí trả trước dài hạn dùng cho việc nghiên cứu giống và sửa chữa cải tạo.
- ✓ Nguyên liệu, vật liệu, thành phẩm và hàng hóa trong năm đã có sự gia tăng đáng kể, nhưng do lượng tiền mặt gửi tại Ngân hàng và các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng của Công ty giảm mạnh nên đã làm tài sản ngắn hạn trong năm sụt giảm.

Cơ cấu tài sản ngắn hạn



- Tiền và các khoản tương đương tiền
- Các khoản phải thu ngắn hạn
- Hàng tồn kho
- Tài sản ngắn hạn khác

Cơ cấu tài sản dài hạn



- Tài sản cố định
- Tài sản dở dang dài hạn
- Tài sản dài hạn khác

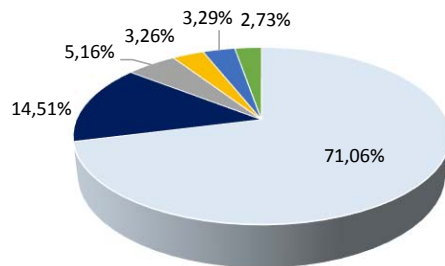


ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Tỷ lệ 2015/2014
Nợ ngắn hạn	162.784	141.219	86,75%
Nợ dài hạn	1.215	1.213	99,84%
Tổng nợ phải trả	163.999	142.432	86,85%

- ✓ Nợ ngắn hạn năm 2015 đạt 86,75% so với năm trước, trong đó vay ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất với 71,06%, trong năm khoản mục này đã tăng đến 42,5 tỷ do trong năm Công ty có vay tiền ngắn hạn từ Ngân hàng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Khoản phải trả người bán ngắn hạn giảm 13,25% chủ yếu do SSC đã thực hiện chi trả tiền cho Công ty TNHH Sichuan Longping High-tech với số tiền hơn 16,7 tỷ và một số khoản tiền chi trả cho người bán khác trị giá hơn 15,2 tỷ.
- ✓ Trong năm, do tuân thủ theo Quyết định xử phạt số 977/QĐ-CT-XP ngày 31 tháng 03 năm 2015 ban hành bởi Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Giám đốc Công ty quyết định điều chỉnh hồi tố thuế giá trị gia tăng, thuế TNDN và thuế thu nhập cá nhân tính thiếu cho các năm tài chính từ năm 2007 đến năm 2010 với tổng số tiền là 6.537.561.805 VND, việc điều chỉnh này làm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước cuối kỳ trong BCTC 2014 và đầu kỳ trong BCTC 2015 có sự chênh lệch (đã tăng hơn 14,2 tỷ), khoản mục này trong năm 2015 giảm hơn 13,1 tỷ do Công ty đã thực hiện chi trả cho Nhà nước.
- ✓ Nợ dài hạn trong năm giảm nhẹ, cùng với sự biến động của nợ ngắn hạn như trên đã làm nợ phải trả của Công ty giảm 13,15% so với năm 2014.

Cơ cấu nợ ngắn hạn



- Vay ngắn hạn
- Phải trả người bán ngắn hạn
- Phải trả ngắn hạn khác
- Quý khen thưởng, phúc lợi
- Chi phí phải trả ngắn hạn
- Các khoản mục khác



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- ✓ Triển khai phương án tái cấu trúc giai đoạn 1 của SSC (cơ cấu tổ chức, sản xuất, kinh doanh, tài chính, sản phẩm, R&D...). Xây dựng chiến lược, kế hoạch SXKD 2016 đến 2020. Thành lập Phòng Marketing, Sáp nhập Trung tâm Giống Rau Hoa vào SRC, Thành lập Trại Giống cây trồng Tân Hiệp, Thành lập Chi nhánh Trà Vinh,
- ✓ Hoạt động NCPT: các Giống triển vọng được nghiệm thu chuyển PTSP - kinh doanh:
 - Giống lúa lai KC06-1, giống lúa thuần Đài Thơm 8, Kim Cương 111, Bắc Thơm 7; bắp vàng SSC601 (P2P), bắp nếp CX162 (CX247); Đậu Xanh Mầm 1.8, One Time; Dưa hấu Gold Cup, Thanh Thiên.
 - Công nhận chính thức giống Max One, SSC7830; công nhận sản xuất thử giống Nam ưu 901, KC06-1, Max68, SSC077. Đăng ký bảo hộ 2 giống, 3 dòng bắp nếp, 3 giống lúa thuần, 9 dòng bố mẹ lúa lai; 2 giống đậu xanh.



- ✓ Công tác cải tiến, quản lý sản xuất giống gốc, giống bố mẹ đảm bảo an toàn, đầy đủ, kịp thời cho công tác nhân giống. Quy hoạch địa bàn sản xuất lúa lai ổn định, mở rộng vùng sản xuất và thời vụ phù hợp nhu cầu thị trường, từng bước bố trí rải vụ sản xuất giống lúa thuần (đặc biệt vụ thu đông) để giảm áp lực thiết bị kho – CBBQ, đáp ứng yêu cầu kịp thời về số lượng, chất lượng, giá thành cạnh tranh



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2016

ĐVT: Khối lượng (KL) – tấn; Doanh thu (DT) – triệu đồng

Đơn vị	2016			6TĐN		6TCN	
	KL	DT	DT KHCN	KL	DT	KL	DT
PKD	12.184	254.407	187.571	4.829	96.842	7.355	157.565
CNHN	2.872	148.655	103.629	1.975	107.019	897	41.636
CNTN	1.207	33.861	24.184	768	24.216	439	9.645
CNMT	1.101	32.545	24.261	518	15.885	583	16.660
Tổng cộng	17.364	469.468	339.643	8.090	243.962	9.274	225.506



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2016

ĐVT: triệu đồng

STT	Hạng mục công trình	Khối lượng	Thành tiền	Nguồn vốn	Phân kỳ đầu tư	
					2016	2017
I	Nhà kho Cờ Đỏ 2.724 m2 và hệ thống sấy 100 tấn/mẻ		14.134,79	Chủ sở hữu	9.187,61	4.947,18
1	Nhà kho + nhà bao che lò sấy (m2)	2724	9.740,76			
2	Đường nội bộ + hạ tầng (m2)	620	2.761,28			
3	Thiết bị sấy 100 tấn/mẻ (hệ thống)	1	1.632,75			
II	Cải tạo nhà máy và lắp mới kho lạnh Nhà máy Chế biến Hạt giống cây trồng Hà Nội		1.660,63	Chủ sở hữu	1.660,63	-
1	Cải tạo và xây dựng (cụm)	1	850,55			
2	Di dời và lắp đặt thiết bị (cụm)	1	650,00			
3	Chi phí thiết, giám sát và dự phòng	1	160,08			
III	Phần mềm kế toán Fast Business online		1.000,00	Chủ sở hữu	1.000,00	-
	Tổng cộng		16.795,42		11.848,25	4.947,18



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

NHIỆM VỤ

- ✓ Phân tích SWOT xác định mục tiêu chiến lược, một số vấn đề định vị sản phẩm: cơ cấu nhân sự có trình độ, chuyên môn, tay nghề, bộ sản phẩm khác biệt, đội ngũ nghiên cứu có kinh nghiệm, nguồn gen phong phú, thương hiệu mạnh.
- ✓ Chấn chỉnh quy trình xây dựng đề tài nghiên cứu và đánh giá sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường. Tăng cường quan hệ hợp tác với các viện, trường để cập nhật các thông tin về giống mới triển vọng trong quá trình khảo nghiệm so sánh giống.
- ✓ Mở rộng quan hệ hợp tác khảo nghiệm giống hạt rau, khai thác triệt để giống có bản quyền để mở rộng thị phần và tăng hiệu quả hạt giống rau. Cải tiến hoạt động marketing và phát triển sản phẩm đảm bảo tính đồng bộ, xuyên suốt và nắm bắt thị trường linh hoạt.
- ✓ Tăng cường quản lý chất lượng sản phẩm trong quá trình bảo quản để ngăn ngừa thiệt hại trong kho và thực hiện nghiêm túc chế độ trách nhiệm vật chất trong công tác CBBQ.
- ✓ Tăng cường cơ sở vật chất phù hợp với quy mô sản xuất và yêu cầu của công tác CBBQ, đóng gói để duy trì sức sống hạt giống. Cải tiến công tác quản trị thu mua nguyên liệu, vật tư, bao bì và từng bước vận hành hoạt động logistic hiệu quả.
- ✓ Kiểm soát quá trình thực hiện của các đơn vị, bộ phận nhân viên, cải tiến hệ thống thông tin nội bộ, áp dụng giải pháp Fast online, BES, quản lý kho để hỗ trợ cung cấp thông tin phục vụ công tác quản trị.
- ✓ Tăng cường sự phối hợp giữa các bộ phận và cá nhân thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình vì lợi ích của công ty. Các đơn vị, CBNV cố gắng hành động với tinh thần vượt khó, đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ đi đến thành công. Tăng cường hệ thống quản trị, tính kỷ cương chấp hành quy chế, quy định và quyết định của cấp trên.

GIẢI PHÁP

Công tác Nghiên cứu:

- ✓ Tăng cường quan hệ hợp tác với các viện, trường để cập nhật các thông tin về giống mới triển vọng trong quá trình khảo nghiệm so sánh giống.
- ✓ Chấn chỉnh quy trình xây dựng đề tài nghiên cứu và đánh giá sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường.
- ✓ Mở rộng quan hệ hợp tác khảo nghiệm giống hạt rau, khai thác triệt để giống có bản quyền để mở rộng thị phần và tăng hiệu quả hạt giống rau.
- ✓ Tập trung sản phẩm tự nghiên cứu và sản xuất trong nước, sản phẩm khoa học công nghệ có lợi nhuận cao.



Công tác kinh doanh:

- ✓ Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc giai đoạn 2 tập trung vào các đơn vị còn yếu và tồn tại một số vấn đề chủ yếu trong kinh doanh và các nhân sự không đáp ứng yêu cầu công việc.
- ✓ Cải tiến hoạt động marketing và phát triển sản phẩm đảm bảo tính đồng bộ, xuyên suốt và nắm bắt thị trường linh hoạt.
- ✓ Marketing và phát triển sản phẩm xây dựng và định vị sản phẩm, phân khúc thị trường;
- ✓ Tập trung phát triển lúa lai sản xuất, lúa thuần, bắp nếp sản xuất, hạt rau, đậu trong đó chọn lọc sản phẩm mới phát triển hiệu quả
- ✓ Sản phẩm mới: Bắp nếp CX247, Lúa thuần Đài Thơm 8, Lúa lai KC06-1, HR182, Nam Ưu 209, Phúc ưu 868
- ✓ Định vị thương hiệu cao trên thị trường để tạo lợi nhuận tối ưu
- ✓ Tăng cường đào tạo, huấn luyện công nghệ, đào tạo kiến thức canh tác, đặc tính giống, kỹ năng tiếp thị, bán hàng cho CBNV kinh doanh và marketing.

Công tác Sản xuất – Quản lý chất lượng:

- ✓ Quy hoạch địa bàn sản xuất lúa lai ổn định, mở rộng vùng sản xuất và thời vụ phù hợp nhu cầu thị trường, từng bước bố trí rải vụ sản xuất giống lúa thuần (đặc biệt vụ Thu Đông) để giảm áp lực thiết bị kho – CBBQ, đáp ứng yêu cầu kịp thời về số lượng, chất lượng, giá thành cạnh tranh.
- ✓ Công tác cải tiến, quản lý sản xuất giống gốc, giống bố mẹ đảm bảo an toàn, đầy đủ, kịp thời cho công tác nhân giống.
- ✓ Cải tiến công tác quản trị thu mua nguyên liệu, vật tư, bao bì và từng bước vận hành hoạt động logistic hiệu quả.
- ✓ Tăng cường quản lý chất lượng sản phẩm trong quá trình bảo quản để ngăn ngừa thiệt hại trong kho và thực hiện nghiêm túc chế độ trách nhiệm vật chất trong công tác CBBQ.
- ✓ Thực hiện giao khoán cho nhân viên sản xuất, cải tiến chế độ lương điểm và chế độ thưởng theo khối lượng, chất lượng công việc và kết quả công tác của bộ phận, cá nhân.
- ✓ Mở rộng vùng sản xuất/chế biến/phân phối nhằm giảm giá thành/giảm áp lực cung ứng và bảo quản



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Công tác đầu tư:

- ✓ Tăng cường cơ sở vật chất phù hợp với quy mô sản xuất và yêu cầu của công tác CBBQ, đóng góp để duy trì sức sống hạt giống.
- ✓ Đề xuất các giải pháp quản trị, tiết kiệm chi phí và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Công tác Tài chính:

- ✓ Cập nhật những thay đổi của công tác tài chính, kế toán để kiểm soát tình hình triển khai chiến lược kinh doanh;
- ✓ Kiểm soát quá trình thực hiện của các đơn vị, bộ phận nhân viên, cải tiến hệ thống thông tin nội bộ, áp dụng giải pháp Fast Business online, BES, quản lý kho để hỗ trợ cung cấp thông tin phục vụ công tác quản trị.





KẾT LUẬN

Năm 2015 đã qua đi, một năm thật sự khó khăn cho SSC doanh thu & lợi nhuận đạt thấp so với kế hoạch mức, tăng trưởng thấp hơn cùng kỳ, không như kỳ vọng của cổ đông, của Hội đồng quản trị, mặc dù có những nguyên nhân khách quan & chủ quan nhưng trách nhiệm chính vẫn thuộc về Ban Điều hành.

Năm 2016 trước mắt vẫn còn nhiều thách thức. Việc triển khai chiến lược, kế hoạch kinh doanh của HĐQT, Ban Điều hành phải luôn nỗ lực, phấn đấu thực hiện nhiệm vụ được giao và sẽ tăng cường phát huy sức mạnh tập thể của toàn thể CBNV Công ty. Thay mặt Ban Điều hành trân trọng cảm ơn sự chỉ đạo kịp thời của HĐQT, của cổ đông, sự hợp tác, hỗ trợ của các ban ngành, đoàn thể, đơn vị đối tác, khách hàng, nhà cung ứng, các cơ quan thông tin đại chúng để góp phần cho sự phát triển ổn định của Công ty trong thời gian qua và những năm tới.

Với sự tin tưởng của cổ đông, của HĐQT, Ban Điều hành sẽ phấn đấu nỗ lực hơn nữa để đạt được những mục tiêu ĐHCĐ, HĐQT năm 2016 đề ra. Tiếp tục từng bước thâm nhập thị trường các nước trong khu vực, tích cực thực hiện các hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, tăng cường công tác quản lý chất lượng và hoàn thiện công tác quản trị, tăng cường mở rộng đầu tư quy mô sản xuất, củng cố cơ sở vật chất, tăng cường nâng cao nguồn nhân lực, phát huy nội lực, tạo cơ sở vững chắc để SSC phát triển sản phẩm, thương hiệu, uy tín, phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu của bà con nông dân, đóng góp ngày càng nhiều hơn vào việc phát triển sản xuất nông nghiệp của đất nước.





GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015, đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH ERNST & YOUNG – Việt Nam đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2015 của CTCP Giống cây trồng Miền Nam, vì vậy Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.





BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



- ✓ Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- ✓ Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- ✓ Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Bối cảnh chung

- ✓ Biến đổi khí hậu toàn cầu làm cho thời tiết diễn biến bất thường như hạn hán, xâm nhập mặn gây tác động lớn đến sản xuất nông nghiệp.
- ✓ Khủng hoảng kinh tế thế giới đã tác động đến nền kinh tế nhiều quốc gia và hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.
- ✓ Hội nhập kinh tế toàn cầu tạo ra nhiều cơ hội, đồng thời doanh nghiệp cũng phải vượt qua nhiều thách thức để tồn tại và phát triển.
- ✓ Tình hình cạnh tranh mạnh trên thị trường hạt giống, nhất là sự tăng cường tiếp thị của các công ty giống nước ngoài và sự ra đời của một loạt các công ty giống mới. Đứng trước bối cảnh trên, hoạt động SXKD của Công ty có những thuận lợi và khó khăn sau:

Thuận lợi:

- ✓ Công ty đã triển khai phương án đoạn tái cấu trúc giai đoạn 1, nhiều phương pháp và cách thức hoạt động mới đang vận hành cho Công ty.
- ✓ Các chính sách của nhà nước về cánh đồng lớn, dự trữ quốc gia tạo thuận lợi cho việc tiêu thụ sản phẩm của Công ty.
- ✓ Lạm phát thấp, giá xăng dầu giảm liên tục giúp giảm giá thành sản xuất, giảm chi phí vận chuyển.

Khó khăn:

- ✓ Biến đổi khí hậu ngày càng diễn ra khốc liệt, hạn hán, xâm nhập mặn xảy ra trên diện rộng, mùa Đông ấm diễn ra ở các tỉnh Bắc Trung Bộ làm thay đổi cơ cấu giống.
- ✓ Doanh thu Dekalb chiếm tỷ trọng khá lớn;
- ✓ Giá bắp nông sản giảm kéo dài, giá lúa biến động theo chiều hướng giảm, giá đậu xanh tăng ảnh hưởng lớn đến nhu cầu mua giống của nông dân.



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2014	KH 2015	TH 2015	TH/KH 2015	TH 2015/TH 2014
Doanh thu thuần	608,63	725,6	522,15	71,96%	85,79%
Lợi nhuận sau thuế	86,54	95,2	46,4	48,74%	53,62%

- ✓ Doanh thu thuần: 522,15 tỷ đồng, đạt 71,96% so kế hoạch & đạt 85,79% so với cùng kỳ.
- ✓ Lợi nhuận sau thuế: 46,4 tỷ đồng, đạt 48,74% so kế hoạch & đạt 53,62% so với cùng kỳ.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

NHỮNG MẶT LÀM ĐƯỢC

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Điều hành tích cực triển khai các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành năm 2015, bao gồm :

- ✓ Thực hiện rà soát đánh giá thực trạng Công ty trong toàn bộ các lĩnh vực: Tổ chức bộ máy; nhân sự; Kế hoạch đầu tư; Nghiên cứu; Sản xuất; Quản lý chất lượng; kinh doanh; quản lý tài chính.
- ✓ Thực hiện xong việc tái cấu trúc Công ty giai đoạn 1, cụ thể: (i) Bổ sung và xây dựng mới cơ cấu bộ máy tổ chức ở Công ty và từng đơn vị. (ii) Sắp xếp, định biên lao động, bổ nhiệm nhân sự phù hợp với năng lực, nhiệm vụ và nâng cao trách nhiệm của từng bộ phận. (iii) Xây dựng, sửa đổi hệ thống quy chế quản trị:

Xây dựng và giao mục tiêu đến từng đơn vị, cá nhân người động.

Xây dựng chiến lược nghiên cứu sản phẩm theo hướng yêu cầu thị trường

Thực hiện chế độ lương khoán đối với bộ phận sản xuất và trả lương theo mục tiêu công việc...

- ✓ Một số giống triển vọng được nghiệm thu chuyển phát triển sản phẩm đưa vào kinh doanh:

Giống lúa lai KC06-1, giống lúa thuần Đài Thơm 8, Kim Cương 111, Bắc Thơm 7; bắp vàng SSC601 (P2P), bắp nếp CX162 (CX247); Đậu Xanh Mầm 1.8, One Time; Dưa hấu Gold Cup, Thanh Thiên.

Công nhận chính thức giống Max One, SSC7830; công nhận sản xuất thử giống Nam ưu 901, KC06-1, Max68, SSC077. Đăng ký bảo hộ 2 giống, 3 dòng bắp nếp, 3 giống lúa thuần, 9 dòng bố mẹ lúa lai; 2 giống đậu xanh.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

NHỮNG MẶT CÒN HẠN CHẾ

- ✓ Không hoàn thành nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh mà Đại hội cổ đông thường niên 2015 thông qua, doanh thu & lợi nhuận đạt thấp. Bộ máy điều hành chưa linh hoạt, vẫn có nhiều vấn đề bất cập hiện nay chưa có đổi mới, cập nhật thị trường chưa được nhanh nhạy, việc tương tác giữa Kinh doanh – Marketing – Nghiên cứu chưa xuyên suốt dẫn đến chưa nhận biết được thị trường đầy đủ. Sản lượng và lợi nhuận giảm trong khi phải nộp thuế tăng do không đạt tỷ lệ cơ cấu sản phẩm khoa học công nghệ, đóng bổ sung thuế, hàng hủy lớn.
- ✓ Công tác bảo quản hàng hóa chưa tốt dẫn đến giảm chất lượng, mất giá trị tương đương 10% lợi nhuận/năm. Bên cạnh đó chưa thấy phát huy nghiên cứu đối với kinh doanh và marketing, chưa đưa ra sản phẩm khác biệt dẫn dắt thị trường. Cần đẩy mạnh công tác nghiên cứu để tạo sự khác biệt của Công ty so với các công ty đối thủ.
- ✓ Hàng hóa kém, mất phẩm chất tồn kho tồn đọng từ các năm trước phải xử lý hủy, bán lương thực, giảm lợi nhuận của Công ty.
- ✓ Công tác đầu tư, XDCB, mua sắm trang thiết bị được thực hiện chỉ dừng ở đầu tư chủ yếu các công trình mở rộng, sửa chữa, máy móc, thiết bị, chưa đánh giá hiệu quả của các dự án đầu tư;
- ✓ Mặc dù, Công ty có một đội ngũ nghiên cứu tốt, có chuyên môn kỹ thuật cao nhưng chưa phát huy điểm mạnh, công tác kinh doanh dự báo thiếu chính xác,
- ✓ Công tác tài chính tình trạng công nợ tăng cao, công tác thu hồi công nợ chưa đạt kết quả tốt;
- ✓ Công tác tiền lương: Cơ chế tiền lương chưa kích thích động viên CBNV, chưa thu hút nguồn nhân lực có chất lượng chuyên môn cao, công tác nhân sự quản lý cấp trung vẫn còn nhiều bất cập;



HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- ✓ Hội đồng quản trị giám sát Ban Điều hành việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT về kết quả thực hiện kế hoạch doanh thu và lợi nhuận, đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm thiết bị năm 2015.
- ✓ Giám sát công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên. HĐQT, Tổng Giám đốc đã triển khai và quán triệt thực hiện các nội dung công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên thành công
- ✓ Giám sát chính sách bán hàng, theo dõi công nợ, bảo quản hàng tồn kho. HĐQT đề nghị Ban Điều hành đặt trọng tâm triển khai bán hàng và theo dõi phân phối hàng Dekalb, công tác thu hồi, kiểm soát công nợ & các giải pháp thực hiện bảo quản hàng tồn kho. Vì thế cần gắn trách nhiệm của bộ phận sản xuất, kinh doanh, đảm bảo cơ chế cân bằng, quy trách nhiệm thưởng/ phạt cụ thể, chi tiết hơn để mang lại lợi ích cho công ty. đồng thời phối hợp với các bộ phận để phấn đấu cho các mục tiêu trong kinh doanh.
- ✓ Giám sát công tác triển khai kế hoạch sản xuất bổ sung năm 2015, kế hoạch sản xuất cho 2016 để đáp ứng yêu cầu kinh doanh. Triển khai xây dựng kế hoạch kinh doanh và R&D cho 2016-2020 tầm nhìn 2025;
- ✓ Giám sát việc thực hiện chương trình dự trữ giống Quốc gia: HĐQT đã giao nhiệm vụ Ban Điều hành chỉ đạo các bộ phận chuyên môn thực hiện kịp thời việc bảo quản, đóng gói & cung ứng giống theo yêu cầu
- ✓ Giám sát việc thực hiện Hợp đồng liên doanh với Công ty Phát triển Nhà Daewon Thủ Đức trong việc triển khai Dự án 282 Lê Văn Sỹ;



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC MỤC TIÊU CỤ THỂ NĂM 2016

CÔNG TY MẸ

STT	CHỈ TIÊU	KH 2016 (VNĐ)
1	Doanh thu thuần	469.467.869.275
2	Lợi nhuận trước thuế	70.070.098.652
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	65.523.019.089
4	Cổ tức 20%VĐL (149.923.670.000)	29.984.734.000

CÔNG TY HỢP NHẤT (BAO GỒM CÔNG TY CON)

STT	CHỈ TIÊU	KH 2016 (VNĐ)
1	Doanh thu thuần	470.662.407.475
2	Lợi nhuận trước thuế	68.703.549.802
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	64.355.723.436
4	Cổ tức 20%VĐL (149.923.670.000)	29.984.734.000



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ – XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2016

ĐVT: Triệu đồng

STT	Hạng mục công trình	Thành Tiền	Nguồn vốn	Phân kỳ đầu tư	
				2016	2017
I	Nhà kho Cờ Đỏ 2.724 m ² và hệ thống sấy 100 tấn/mẻ	14.134,79	Chủ sở hữu	9.187,61	4.947,18
II	Cải tạo nhà máy và lắp mới kho lạnh Nhà máy Chế biến hạt giống cây trồng Hà Nội	1.660,63	Chủ sở hữu	1.660,63	-
III	Phần mềm kế toán Fast Business online	1.000,00	Chủ sở hữu	1.000,00	-
Tổng cộng		16,795.42		11.848,25	4.947,18

KẾT LUẬN

Năm 2015, là năm đầu tiên của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới (2015-2019) thực hiện kế hoạch 05 năm, nhưng kết quả doanh thu & lợi nhuận đạt thấp so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thông qua, mức tăng trưởng thấp hơn cùng kỳ & không như kỳ vọng của cổ đông, mặc dù HĐQT đã chỉ đạo quyết liệt đối với Ban Điều hành Công ty để triển khai định hướng chiến lược kinh doanh, tài chính, phương tái cấu trúc về tổ chức, nhân sự, bộ máy điều hành.... nhưng do các nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến kết quả không đạt mục tiêu.

Năm 2016, sẽ tập trung ưu tiên phát triển các sản phẩm mới của Công ty lai tạo, sản phẩm khoa học công nghệ, sản phẩm độc quyền của SSC, ngừng phân phối sản phẩm của Dekalb. Tăng cường công tác đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu bảo quản chất lượng hàng hóa, cải thiện thu nhập cho CBNV, thu hút nguồn lực, chất xám bên ngoài để giúp Công ty phát triển.

Hội đồng quản trị tin tưởng với sự nỗ lực của Ban Điều hành, của toàn thể CBNV Công ty, sự ủng hộ của các cổ đông, sự hợp tác, hỗ trợ của các ban ngành, đoàn thể, đơn vị đối tác, khách hàng, nhà cung ứng, các cơ quan thông tin đại chúng sẽ góp phần cho sự phát triển ổn định của Công ty trong năm 2016 & những năm tiếp theo nhằm đảm bảo cho Công ty phát triển ổn định và bền vững trong tương lai.

QUẢN TRỊ CÔNG TY



- ✓ Hội đồng quản trị
- ✓ Ban kiểm soát
- ✓ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên	Chức Vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ
Lê Thị Lệ Hằng	Chủ tịch HĐQT	-	-
Trần Kim Liên	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-
Đỗ Bá Vọng	Thành viên HĐQT	-	-
Hàng Phi Quang	Thành viên HĐQT	44.587	0,29%
Nguyễn Quốc Vọng	Thành viên HĐQT	2.467	0,01%

HOẠT ĐỘNG CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tiểu Ban Tái cấu trúc và Đầu tư

- ✓ **Trưởng tiểu ban: Trần Kim Liên ; Thành viên: Hàng Phi Quang;**
- ✓ Thảo luận xây dựng phương án tái cấu trúc toàn diện SSC (cơ cấu tổ chức, sản xuất, kinh doanh, tài chính, sản phẩm, R&D...)
- ✓ Thảo luận và đề xuất các ý kiến, các nội dung liên quan đến kế hoạch SXKD, Đầu tư, tài chính, mua sắm thiết bị năm 2015;
- ✓ Thảo luận xây dựng chiến lược, kế hoạch SXKD, chiến lược Đầu tư xây dựng giai đoạn 2016 -2020;
- ✓ Thảo luận từng bước hội nhập hai Công ty SSC & NSC về hệ thống kế toán và quản trị Công ty;
- ✓ Thảo luận kế hoạch chi trả cổ tức đợt 1/2014, đợt 2/2014 (đã hoàn tất thanh toán cổ tức năm 2014).
- ✓ Thảo luận việc hợp tác với Dekalb trong hợp đồng phân phối;
- ✓ Thảo luận các vấn đề tài chính khi thực hiện chuyển quyền sử dụng đất sang liên doanh đối với Dự án 282 Lê Văn Sỹ với Daewon Thủ Đức;



HOẠT ĐỘNG CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tiểu ban Khoa học và Công nghệ

- ✓ **Trưởng tiểu ban: Nguyễn Quốc Vọng; Thành viên: Đỗ Bá Vọng;**
- ✓ Xây dựng chiến lược R&D của Công ty; chương trình kế hoạch Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ;
- ✓ Phối hợp với ban đầu tư để đưa ra các chiến lược nghiên cứu sản phẩm. Tìm hiểu nhu cầu của thị trường để đưa ra những sản phẩm thị trường cần;
- ✓ Xác định chiến lược phát triển giống rau nhiệt đới và khảo nghiệm giống rau ôn đới tại thị trường Việt Nam;
- ✓ Xem xét lại tiềm năng của ngành thức ăn gia súc và lợi thế cạnh tranh với các công ty nước ngoài. So sánh lợi thế của việc đầu tư phát triển ngô cho thức ăn gia súc và ngô cho thực phẩm;
- ✓ Thảo luận chiến lược nghiên cứu 2016-2020;

Tiểu Ban Nhân sự - Lương thưởng

- ✓ **Trưởng tiểu ban: Hàng Phi Quang; Thành viên: Trần Kim Liên;**
- ✓ Thảo luận cơ cấu tổ chức bộ máy, thông qua danh sách cán bộ quản lý được bổ nhiệm theo Tái cấu trúc mới, Quy chế đánh giá cán bộ nhân viên;
- ✓ Thảo luận xây dựng Quy chế tiền lương, thưởng theo cơ chế gắn với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, trước mắt có phương án khắc phục những bất cập tiền lương, tiền thưởng cho CBCNV trong năm 2015;
- ✓ Thảo luận xây dựng chính sách thu hút và giữ nhân tài đặc biệt đội ngũ cán bộ nguồn, chuyên gia công nghệ, cán bộ nghiên cứu và chính sách đối với cán bộ nghiên cứu;
- ✓ Thảo luận mức thù lao hàng tháng chi trả cho HĐQT, BKS năm 2015;
- ✓ Thảo luận lựa chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 của SSC & các Công ty con;
- ✓ Thảo luận và đề xuất thông qua đơn giá tiền lương năm 2015;





HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2010 – 2014 (thời gian họp từ 01/01/2015 đến 31/03/2015)

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Hàng Phi Quang	Chủ tịch HĐQT	2	100%	
2	Nguyễn Thanh Tùng	Phó Chủ tịch HĐQT	2	100%	
3	Nguyễn Tiến Hiệp	Thành viên HĐQT	2	100%	
4	Quốc Hồ Đình Tuấn	Thành viên HĐQT	2	100%	
5	Nguyễn Quốc Vọng	Thành viên HĐQT	2	100%	

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015 – 2019 (thời gian họp từ 09/05/2015 đến 31/12/2015)

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Lê Thị Lệ Hằng	Chủ tịch HĐQT	8	100%	
2	Trần Kim Liên	Phó Chủ tịch HĐQT	8	100%	
3	Đỗ Bá Vọng	Thành viên HĐQT	8	100%	
4	Hàng Phi Quang	Thành viên HĐQT	8	100%	
5	Nguyễn Quốc Vọng	Thành viên HĐQT	8	100%	



CÁC NGHỊ QUYẾT VÀ QUYẾT ĐỊNH TRONG NĂM 2015 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	06/02/2015	- Thông qua việc NSC thực hiện chào mua công khai cổ phiếu SSC
2	02/NQ-HĐQT	06/02/2015	- Thông qua kết quả thực hiện SXKD năm 2014
			- Kế hoạch SX-KD-Đầu tư –XDCB năm 2015
			- Thông qua việc mua đất xây dựng văn phòng Chi nhánh Hà Nội
			- Thông qua chủ trương đầu tư tại Myanmar, hợp tác với PAN
			- Thông qua công tác chuẩn bị ĐHCĐ thường niên 2014
3	03/NQ-HĐQT	31/3/2015	- Thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận của kế hoạch SX-KD năm 2015
			- Thông qua tổng mức đầu tư XDCB năm 2015
			- Thông qua quyết toán chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2014
			- Thông qua phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2015
			- Thông qua đề xuất chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2015
			- Thông qua công tác chuẩn bị nhân sự HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2015-2019
4	04/NQ-HĐQT	09/5/2015	- Phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2015
5	05/NQ-HĐQT	09/5/2015	- Thông qua việc điều chỉnh các Tiểu ban của HĐQT nhiệm kỳ 2015-2019



STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
			<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua mức chi trả thù lao hàng tháng của HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2015-2019
			<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua các giải pháp liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chủ trương hợp tác với Myanmar, Dự án 282 Lê Văn Sỹ; Định hướng phát triển giống Rau- Hoa
			<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc chỉ định thầu mua máy móc thiết bị theo chương trình tài trợ của dự án VBCF
6	06/NQ-HĐQT	02/6/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kế hoạch chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1/2014
7	07/NQ-HĐQT	02/6/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc chọn Công ty kiểm toán độc lập Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015
8	08/NQ-HĐQT	02/6/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua chức năng nhiệm vụ của các Tiểu ban của Hội đồng quản trị
			<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc tái cấu trúc các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty
			<ul style="list-style-type: none"> - HĐQT đề nghị Ban Điều hành tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị, bán hàng theo Hợp đồng phân phối đã ký kết với Dekalb và yêu cầu có phương án tối ưu nhất để bảo quản hàng tồn kho
			<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc kiện toàn hoạt động của Trung tâm Giống Rau Hoa (CVF)
			<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc giao Ban Điều hành đề xuất phương án nâng cấp phần mềm kế toán đáp ứng yêu cầu báo cáo số liệu hợp nhất trong cùng hệ thống quản trị.
9	09/NQ-HĐQT	15/7/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2015,
			<ul style="list-style-type: none"> - HĐQT đã nhận thấy kế hoạch kinh doanh khó đạt được kế hoạch đề ra, doanh thu cả năm 2015 ước chỉ đạt 590 tỷ đồng, Kế hoạch lợi nhuận sau thuế ước chỉ đạt 75 tỷ đồng



STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
			<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phối hợp với các tiểu ban HĐQT triển khai xây dựng kế hoạch kinh doanh và R&D cho 2016-2020 tầm nhìn 2025. - Thông qua phương án tái cấu trúc công ty giai đoạn 1. Yêu cầu Tổng Giám đốc trên cơ sở phương án lập kế hoạch triển khai đồng bộ cả tổ chức và hệ thống quản trị (lập kế hoạch tiến độ, định biên, xây dựng và sửa đổi hệ thống quy chế quản trị....) - Thông qua kế hoạch hợp tác R&D giữa SSC và NSC, để khai thác triệt để tiềm năng và lợi thế của 2 công ty - Yêu cầu Tổng Giám đốc rà soát lại hợp đồng chuyên gia đã ký kết. Chỉ tiếp tục thực hiện hợp đồng với đội ngũ chuyên gia công nghệ,
10	10/NQ-HĐQT	15/8/2015	<ul style="list-style-type: none"> - HĐQT đề nghị TGD rà soát lại các thủ tục được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định pháp luật; - HĐQT yêu cầu Tổng Giám đốc sửa đổi, bổ sung quy định thủ tục thanh toán giống nhập kho ngay từ Vụ Hè Thu năm 2015. - Yêu cầu Ban Điều hành rà soát lại hợp đồng phân phối đã ký kết với Dekalb, có phương án tối ưu nhất để bảo quản hàng tồn kho nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm; - Tăng cường công tác thu hồi công nợ, cân đối dòng tiền để đảm bảo việc trả nợ vay và hoạt động SXKD của Công ty. - Phê duyệt Phương án tái cấu trúc Công ty. Yêu cầu Tổng Giám đốc rà soát lại chức năng các đơn vị, định biên nhân sự cho phù hợp, tuyển dụng các vị trí các bộ quản lý theo tái cấu trúc mới - Thông qua chủ trương thành lập Chi nhánh tại Bình Định, HĐQT giao Tổng Giám đốc xây dựng đề án trình HĐQT xem xét;



STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
11	11/NQ-HĐQT	08/9/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với hợp đồng phân phối sản phẩm Dekalb, đề nghị Ban Điều hành tiếp tục tăng cường công tác bán hàng để giảm áp lực hàng tồn kho; - HĐQT chấp thuận chủ trương thực hiện thủ tục xử lý gán nợ đất Đại lý Hà Đạt - Sơn La chuyển tên từ hộ gia đình sang cá nhân - Phê duyệt Quy chế tổ chức bộ máy của Công ty, bổ sung chức năng, nhiệm vụ kinh doanh cho Chi nhánh Trạm Cai Lậy, Chi nhánh Trại Cờ Đỏ - Thông qua chủ trương khuyến khích xây dựng cơ chế hoạt động nghiên cứu, sản phẩm nghiên cứu phải gắn liền với hiệu quả kinh doanh,
12	12/NQ-HĐQT	07/11/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu Ban Điều hành tập trung thúc đẩy công tác tiêu thụ, xây dựng chính sách bán hàng phù hợp để giải quyết hàng tồn kho, tập trung xử lý hàng kém chất lượng, tăng cường kiểm soát và thu hồi công nợ, - Yêu cầu Ban Điều hành xây dựng các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận 2016. Xúc tiến xây dựng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020. - Yêu cầu Tổng Giám đốc xác định nghĩa vụ tài chính mà Công ty phải nộp khi thực hiện chuyển quyền sử dụng đất sang Công ty Liên doanh Đối với dự án 282 Lê Văn Sỹ, - Yêu cầu Ban Điều hành tiếp tục xây dựng hoàn thiện ban hành các quy chế/quy định theo yêu cầu quản trị mới, xây dựng hệ thống lương, thưởng, chú trọng đối với bộ phận kinh doanh, marketing, nghiên cứu, đội ngũ chuyên gia công nghệ và cán bộ quản lý để thu hút nguồn nhân lực. - HĐQT phê chuẩn đề cử ông Trần Quốc Thạch giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT, ông Hà Văn Hưng Giám đốc Công ty cổ phần GCT Nam An để thay thế nhân sự thay đổi.



STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
			<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc ủy quyền cho Thư ký HĐQT là người phụ trách công bố thông tin của Công ty - HĐQT chấp thuận đề xuất của Tổng Giám đốc tiếp tục thực hiện phân phối bắp Delkab (theo phê duyệt từng chủng loại). Ban Điều hành tăng cường hoạt động bán hàng & có giải pháp bảo quản hàng tồn kho. - Xúc tiến triển khai nâng cấp phần mềm kế toán và NSC sẽ cử cán bộ cùng hỗ trợ triển khai việc thực hiện tái cấu trúc hệ thống quản trị
13	13/NQ-HĐQT	11/11/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức đợt 2/2014, tỷ lệ chi trả 10%,
13	14/NQ-HĐQT	04/12/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu Ban Điều hành xúc tiến kiểm kê hàng hóa, sản phẩm, vật tư bao bì kém chất lượng tại các đơn vị - Yêu cầu Hội đồng Khoa học cơ sở và Ban Điều hành đánh giá và lựa chọn sản phẩm kinh doanh có khả năng cạnh tranh và giảm rủi ro trong quá trình sản xuất - Yêu cầu Tổng Giám đốc liên hệ tư vấn để xác định nghĩa vụ tài chính mà Công ty phải nộp khi thực hiện chuyển quyền sử dụng đất sang Công ty Liên doanh trong dự án 282 Lê Văn Sỹ, - Yêu cầu Tổng Giám đốc liên hệ tư vấn thuế để rà soát lại các thủ tục được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định pháp luật. - Yêu cầu Tổng Giám đốc trực tiếp điều hành và quản lý Chi nhánh Hà Nội, GD Chi nhánh tập trung công tác thu hồi công nợ - Yêu cầu sửa đổi, bổ sung hệ thống quy chế quản trị Công ty để phòng ngừa rủi ro và ràng buộc trách nhiệm nhằm xây dựng đội ngũ nguồn nhân lực gắn bó, tâm huyết với Công ty



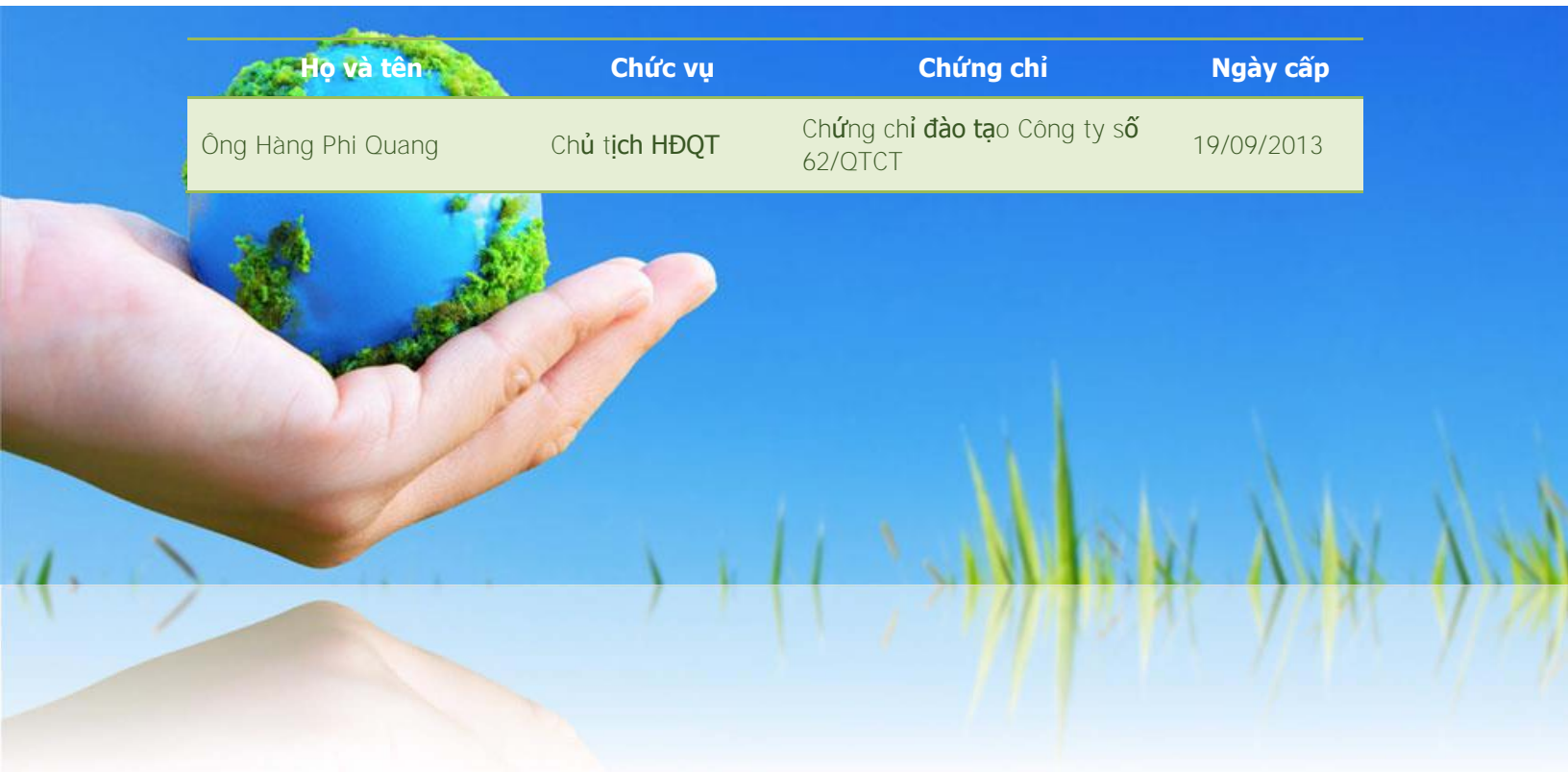
STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
			<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu Ban Tổng Giám đốc tổ chức lại các điểm triển khai nghiên cứu của Công ty theo hướng tập trung, khắc phục tình trạng phân tán nguồn lực,
			<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu Tổng Giám đốc xây dựng chiến lược đầu tư & nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật của Công ty;
			<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc Thành lập Chi nhánh Giống cây trồng miền Nam tại Trà Vinh với đầy đủ chức năng sản xuất, kinh doanh & Chế biến bảo quản
			<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu Tổng Giám đốc phân công lại Ban Tổng Giám đốc theo từng lĩnh vực sản xuất và quản lý chất lượng, chế biến bảo quản, nghiên cứu.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Hiện nay, Công ty chỉ có 01 thành viên HĐQT hoạt động độc lập là Ông Nguyễn Quốc Vọng. Trong năm đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, tiếp tục giúp HĐQT điều hành hoạt động của Công ty theo đúng định hướng phát triển đã đặt ra.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Họ và tên	Chức vụ	Chứng chỉ	Ngày cấp
Ông Hàng Phi Quang	Chủ tịch HĐQT	Chứng chỉ đào tạo Công ty số 62/QTCT	19/09/2013





BAN KIỂM SOÁT

Thành viên	Chức Vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ
Phan Thế Tý	Trưởng Ban	-	-
Nguyễn Khánh Quỳnh	Thành viên	-	-
Nguyễn Hữu Hòa	Thành viên	-	-

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- ✓ Trong năm Ban kiểm soát đã xem xét đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và hệ thống quản lý của Công ty về việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015, đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
- ✓ Giám sát và phối hợp với Tổng Giám đốc tổ chức kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty. Trực tiếp làm việc với Ban điều hành nhằm phát hiện những hạn chế thiếu sót để kiến nghị những giải pháp phù hợp với thực trạng và nguyên tắc quản lý hoạt động của Công ty.
- ✓ Theo dõi kiểm tra quy trình thực hiện các dự án đầu tư, phối hợp với kiểm toán viên thẩm định báo cáo tài chính và báo cáo tình hình kinh doanh. Trong năm Ban kiểm soát cũng tham gia đầy đủ 8 cuộc họp của Hội đồng quản trị, tích cực đưa ra các ý kiến đóng góp cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành nhằm đảm bảo Công ty hoạt động đúng theo đúng nghị quyết Đại Hội cổ đông thường niên 2015 đề ra, phù hợp với mục tiêu phát triển và quy định của nhà nước.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

THÙ LAO, LƯƠNG, THƯỜNG VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

(Năm 2015 do hết nhiệm kỳ nên đã bầu lại thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ mới 2015 – 2019)

THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT				
STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)	Thời gian tính
1	Lê Thị Lệ Hằng	CT.HĐQT	85,927,000	05/2015 – 12/2015
2	Trần Kim Liên	PCT.HĐQT	85,927,000	05/2015 – 12/2015
3	Hàng Phi Quang	UV.HĐQT	136,727,000	Cả năm 2015
4	Đỗ Bá Vọng	UV.HĐQT	85,927,000	05/2015 – tháng 12/2015
5	Nguyễn Thanh Tùng	PCT.HĐQT	39,160,000	Đến tháng 04/2015
6	Nguyễn Quốc Vọng	UV.HĐQT	116,727,000	Cả năm 2015
7	Quốc Hồ Đình Tuấn	UV.HĐQT	33,880,000	Đến tháng 04/2015
8	Nguyễn Tiến Hiệp	UV.HĐQT	28,160,000	Đến tháng 04/2015
9	Nguyễn Hoàng Công	TBKS	25,080,000	Đến tháng 04/2015
10	Phan Thế Tý	TBKS	49,838,000	05/2015 – 12/2015
11	Nguyễn Khánh Quỳnh	UV.BKS	49,838,000	05/2015 – 12/2015
12	Chu Thị Phương Anh	UV.BKS	19,800,000	Đến tháng 4/2015
13	Nguyễn Đức Minh	UV.BKS	19,800,000	Đến tháng 4/2015
14	Nguyễn Hữu Hòa	UV.BKS	49,838,000	05/2015 – 12/2015
15	Lê Thái Bình	Thư ký	30,000,000	Cả năm 2015
	Tổng Cộng		856,629,000	

TIỀN LƯƠNG, THU NHẬP CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC				
STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương, Thu nhập (VNĐ)	Ghi chú
1	Hàng Phi Quang	Tổng Giám đốc	806.328.814	
2	Nguyễn Hoàng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	549.198.520	
3	Dương Thành Tài	Phó Tổng Giám đốc	510.355.346	



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	QH với cổ đông nội bộ	Đầu kỳ		Cuối kỳ		Lý do
			Số CP	Tỷ lệ %	Số CP	Tỷ lệ %	
1	Công ty TNHH quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Cổ đông lớn	0	0	2.779.980	18,62	Mua thêm tăng cổ phiếu năm giữ
2	Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	Cổ đông lớn	2.784.000	18,57	0	0	Thoái vốn Nhà nước tại SSC
3	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung Ương	Cổ đông lớn	5.996.940	40,16	9.207.140	61,4	Thỏa thuận và cơ cấu danh mục đầu tư
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông lớn	2.970.289	19,89	154.589	1,04	Cơ cấu danh mục đầu tư
5	Nguyễn Hoàng Công	Cổ đông nội bộ	5.616	0,04	396	0	Bán nhu cầu chi tiêu cá nhân

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ: Không có

THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định Pháp luật về quản trị công ty.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015



Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2015



EY

Building a better
working world

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 38

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNĐKKD") số 4103001067 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 6 năm 2002 và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh như sau:

<i>Giấy CNĐKKD điều chỉnh</i>	<i>Ngày</i>
4103001067 - Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 16 tháng 7 năm 2003
4103001067 - Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 17 tháng 8 năm 2007
4103001067 - Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 21 tháng 5 năm 2008
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 7 tháng 6 năm 2011
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ năm	Ngày 6 tháng 9 năm 2011
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ sáu	Ngày 26 tháng 5 năm 2014
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ bảy	Ngày 2 tháng 7 năm 2014

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại; sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, vật tư nông nghiệp; sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật; và thiết kế, chế tạo, lắp đặt, xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị chế biến hạt giống và nông sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 282 đường Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có các đơn vị trực thuộc là trạm giống cây trồng Củ Chi, trại giống cây trồng Cờ Đỏ, trạm giống cây trồng Cai Lậy, trại giống cây trồng Lâm Hà, trung tâm nghiên cứu giống cây trồng Miền Nam và trung tâm giống rau hoa, các chi nhánh tại Hà Nội, Tây Nguyên, Miền Trung và Campuchia, và Văn phòng đại diện tại Lào.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Thị Lệ Hằng	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Hàng Phi Quang	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Bà Trần Kim Liên	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Quốc Vọng	Thành viên	
Ông Đỗ Bá Vọng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Tiến Hiệp	Thành viên	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Quốc Hồ Đình Tuấn	Thành viên	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Thế Tý	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Hoàng Công	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Khánh Quỳnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Hữu Hòa	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Đức Minh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Bà Chu Thị Phương Anh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hàng Phi Quang
Ông Nguyễn Hoàng Tuấn
Ông Dương Thành Tài

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Hàng Phi Quang.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc: *UX*



Hàng Phi Quang
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2016



Building a better
working world

Số tham chiếu: 61000411/17794323-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Lê Thị Tuyết Mai
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1575-2013-004-1

Ngô Hồng Sơn
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2211-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 29)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		370.291.776.525	400.092.423.912
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	22.397.398.591	66.976.786.056
111	1. Tiền		18.397.398.591	54.929.730.500
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.000.000.000	12.047.055.556
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		112.924.727.770	139.034.624.834
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	93.755.883.807	117.921.698.021
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	6.358.082.834	8.075.321.525
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		200.000.000	365.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	15.759.960.603	14.603.589.740
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(3.193.230.601)	(1.980.334.490)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		44.031.127	49.350.038
140	III. Hàng tồn kho		230.319.590.062	188.676.635.945
141	1. Hàng tồn kho	7	241.266.006.833	192.657.115.831
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7	(10.946.416.771)	(3.980.479.886)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		4.650.060.102	5.404.377.077
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	955.986.023	1.448.417.966
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	14	3.540.968.136	3.837.641.497
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	153.105.943	58.726.504
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	59.591.110
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		131.001.488.748	123.287.458.429
220	I. Tài sản cố định		102.301.731.809	101.528.552.234
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	62.952.527.471	64.013.849.269
222	Nguyên giá		126.513.315.785	116.910.742.418
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(63.560.788.314)	(52.896.893.149)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	39.349.204.338	37.514.702.965
228	Nguyên giá		43.592.859.233	41.289.799.233
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.243.654.895)	(3.775.096.268)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		12.144.885.972	12.144.885.972
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	12.144.885.972	12.144.885.972
260	III. Tài sản dài hạn khác		16.554.870.967	9.614.020.223
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	12.159.589.874	6.462.917.702
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24.3	3.659.172.779	2.230.967.128
269	3. Lợi thế thương mại	12	736.108.314	920.135.393
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		501.293.265.273	523.379.882.341

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 29)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		142.432.539.174	163.999.035.514
310	I. Nợ ngắn hạn		141.219.184.079	162.784.092.999
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	20.490.495.768	52.504.699.288
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.002.896.660	847.525.475
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.711.394.988	14.857.420.123
314	4. Phải trả người lao động		144.163.773	6.944.569.218
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	4.640.983.386	3.065.022.023
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	7.279.325.707	20.424.837.852
320	7. Vay ngắn hạn	17	100.348.260.000	57.873.097.600
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.601.663.797	6.266.921.420
330	II. Nợ dài hạn		1.213.355.095	1.214.942.515
337	1. Phải trả dài hạn khác		1.213.355.095	1.214.942.515
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		358,860,726,099	359,380,846,827
410	I. Vốn chủ sở hữu		358,860,726,099	359,380,846,827
411	1. Vốn cổ phần	18.1	149.923.670.000	149.923.670.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		149.923.670.000	149.923.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	18.1	8.520.414.412	8.520.414.412
414	3. Cổ phiếu quỹ	18.1	(817.291.640)	(817.291.640)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển	18.1	99.379.905.421	100.374.171.559
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18.1	100.546.205.370	100.163.068.208
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		54.244.113.947	13.834.932.774
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		46.302.091.423	86.328.135.434
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.307.822.536	1.216.814.288
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		501.293.265.273	523.379.882.341



Lê Quang Hồng
Người lập



Lê Tôn Hùng
Kế toán trưởng



Hàng Phi Quang
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Phân loại lại – Thuyết minh số 29)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	595.992.453.787	677.154.707.870
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	(73.844.437.867)	(68.529.696.369)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	522.148.015.920	608.625.011.501
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		(365.383.769.450)	(417.907.765.226)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		156.764.246.470	190.717.246.275
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	1.020.178.008	2.169.582.599
22	7. Chi phí tài chính	20	(3.727.593.699)	(6.021.005.180)
23	Trong đó: chi phí lãi vay		(2.923.130.710)	(5.261.075.698)
25	8. Chi phí bán hàng	21	(52.343.596.701)	(53.808.397.915)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(45.294.392.197)	(48.082.826.484)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		56.418.841.881	84.974.599.295
31	11. Thu nhập khác	23	5.241.228.819	1.412.269.667
32	12. Chi phí khác	23	(2.127.788.564)	(159.804.697)
40	13. Lợi nhuận khác	23	3.113.440.255	1.252.464.970
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		59.532.282.136	86.227.064.265
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.2	(14.567.388.116)	(101.941.970)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	24.3	1.428.205.651	415.829.183
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		46.393.099.671	86.540.951.478
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	26	46.302.091.423	86.328.135.434
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		91.008.248	212.816.044
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	2.952	5.318
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	26	2.952	5.318

Lê Quang Hồng
Người lập

Lê Tôn Hùng
Kế toán trưởng



Hàng Phi Quang
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Phân loại lại – Thuyết minh số 29)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		59.532.282.136	86.227.064.265
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	8, 9, 12	11.316.480.871	9.301.662.485
03	Các khoản dự phòng		8.178.832.996	3.416.122.399
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	20, 19.2	117.408.200	(382.210.012)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(889.683.850)	(549.662.480)
06	Chi phí lãi vay	20	2.923.130.710	5.261.075.698
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		81.178.451.063	103.274.052.355
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		25.158.885.985	(28.138.578.624)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(48.608.891.002)	4.015.205.568
11	Giảm các khoản phải trả		(38.381.255.802)	(5.089.382.751)
12	Tăng chi phí trả trước		(5.204.240.229)	(736.858.611)
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.923.130.710)	(5.261.075.698)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	24.2	(22.742.132.630)	(937.812.411)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.105.105.424)	(7.575.586.809)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(16.627.418.749)	59.549.963.019
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(11.905.633.367)	(15.247.217.453)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định	23	-	519.781.000
27	Tiền lãi đã nhận		889.683.850	384.329.702
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(11.015.949.517)	(14.343.106.751)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		228.884.440.444	234.682.450.246
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(186.409.278.044)	(209.060.650.786)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	18.2	(59.411.181.599)	(29.804.000.850)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(16.936.019.199)	(4.182.201.390)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Phân loại lại – Thuyết minh số 29)
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm		(44.579.387.465)	41.024.654.878
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		66.976.786.056	25.952.131.178
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	22.397.398.591	66.976.786.056



Lê Quang Hồng
Người lập



Lê Tôn Hùng
Kế toán trưởng




Hàng Phi Quang
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh ("CNĐKKD") số 4103001067 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 6 năm 2002 và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh như sau:

<i>Giấy CNĐKKD điều chỉnh</i>	<i>Ngày</i>
4103001067 - Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 16 tháng 7 năm 2003
4103001067 - Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 17 tháng 8 năm 2007
4103001067 - Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 21 tháng 5 năm 2008
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 7 tháng 6 năm 2011
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ năm	Ngày 6 tháng 9 năm 2011
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ sáu	Ngày 26 tháng 5 năm 2014
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ bảy	Ngày 2 tháng 7 năm 2014

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại; sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, vật tư nông nghiệp; sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật; và thiết kế, chế tạo, lắp đặt, xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị chế biến hạt giống và nông sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 282 đường Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có các đơn vị trực thuộc là trạm giống cây trồng Củ Chi, trại giống cây trồng Cờ Đỏ, trạm giống cây trồng Cai Lậy, trại giống cây trồng Lâm Hà, trung tâm nghiên cứu giống cây trồng Miền Nam và trung tâm giống rau hoa, các chi nhánh tại Hà Nội, Tây Nguyên, Miền Trung và Campuchia, và Văn phòng đại diện tại Lào.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 423 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 432 người).

Công ty có hai công ty con như sau:

Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam ("SSE")

SSE là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 0309966504 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 4 năm 2010 và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của SSE tại số 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính theo GCNĐKKD của SSE là sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm, đồ uống; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị.

Hiện tại, SSE đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình hoàn tất hồ sơ cần thiết để xin phá sản theo quy định hiện hành.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty nắm giữ 83,74% phần vốn chủ sở hữu trong SSE.

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Nghệ An ("NAS")

NAS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 270300045 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp ngày 21 tháng 1 năm 2002 và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của NAS tại xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Hoạt động chính của NAS là mua bán hạt giống, vật tư nông nghiệp, nông sản; cung cấp dịch vụ sấy, đóng gói, mua bán máy nông nghiệp; và sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty nắm giữ 70,00% phần vốn chủ sở hữu trong NAS.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Nhóm Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng các Thông tư nêu dưới đây:

3.1.1 Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Nhóm Công ty cũng đã báo cáo lại số liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính hợp nhất năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 29.

3.1.2 Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ("Thông tư 202") thay thế phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007. Thông tư 202 có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định tại Thông tư 202 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 202 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Tuy nhiên, việc thay đổi này xét trên khía cạnh tổng thể, không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu ngắn hạn khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	10 - 49 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	4 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Bản quyền	10 - 20 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty, và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.12 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn/Nhóm Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và chi nhánh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và chi nhánh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	615.954.900	362.324.659
Tiền gửi ngân hàng	17.781.443.691	54.567.405.841
Các khoản tương đương tiền	4.000.000.000	12.047.055.556
TỔNG CỘNG	<u>22.397.398.591</u>	<u>66.976.786.056</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng, và hưởng lãi suất ngân hàng có thể áp dụng.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại – Thuyết minh số 29)
Phải thu từ bên khác	93.755.883.807	117.921.698.021
Cục Trồng Trọt	23.379.275.000	-
Các khách hàng khác	<u>70.376.608.807</u>	<u>117.921.698.021</u>
TỔNG CỘNG	<u>93.755.883.807</u>	<u>117.921.698.021</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(3.193.230.601)</u>	<u>(1.980.334.490)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>90.562.653.206</u>	<u>115.941.363.531</u>

Toàn bộ phải thu ngắn hạn của khách hàng đã được dùng để đảm bảo các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh số 17).

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho bên khác	<u>6.358.082.834</u>	<u>8.075.321.525</u>

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại – Thuyết minh số 29)
Tạm ứng cho nhân viên	3.954.997.869	5.956.651.583
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	2.858.902.000	3.337.602.000
Tạm ứng cho nông dân	2.808.788.509	2.850.192.174
Chi phí kiểm định chất lượng phải thu từ Nhà nước	1.994.579.502	-
Phải thu khác	<u>4.142.692.723</u>	<u>2.459.143.983</u>
TỔNG CỘNG	<u>15.759.960.603</u>	<u>14.603.589.740</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

7. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	125.945.430.212	(3.261.701.262)	86.962.054.214	(2.997.193.118)
Thành phẩm	63.120.880.559	(430.051.444)	52.912.111.539	(768.080.399)
Hàng hóa	37.875.662.887	(7.254.664.065)	31.501.926.561	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.543.269.355	-	15.256.547.061	(215.206.369)
Công cụ, dụng cụ	1.778.766.386	-	1.869.489.474	-
Hàng gửi đi bán	825.239	-	3.507.486.982	-
Hàng mua đang đi đường	1.172.195	-	647.500.000	-
TỔNG CỘNG	<u>241.266.006.833</u>	<u>(10.946.416.771)</u>	<u>192.657.115.831</u>	<u>(3.980.479.886)</u>

Toàn bộ hàng tồn kho đã được dùng để đảm bảo các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh số 17).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	(3.980.479.886)	(958.124.551)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(10.636.512.349)	(3.670.575.464)
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	3.670.575.464	648.220.129
Số cuối năm	<u>(10.946.416.771)</u>	<u>(3.980.479.886)</u>

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số đầu năm	74.463.790.743	23.062.331.547	17.322.926.119	2.061.694.009	116.910.742.418
Mua mới trong năm	3.842.079.209	4.143.987.900	916.177.000	700.329.258	9.602.573.367
Số cuối năm	<u>78.305.869.952</u>	<u>27.206.319.447</u>	<u>18.239.103.119</u>	<u>2.762.023.267</u>	<u>126.513.315.785</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Tạm thời không sử dụng</i>	2.588.898.332	482.305.399	-	-	3.071.203.731
<i>Đã khấu hao hết</i>	16.458.075.351	4.955.152.755	4.122.268.706	521.755.792	26.057.252.604
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	(29.634.908.473)	(12.373.703.971)	(9.937.668.404)	(950.612.301)	(52.896.893.149)
Khấu hao trong năm	(5.570.928.932)	(2.890.685.616)	(1.825.843.983)	(376.436.634)	(10.663.895.165)
Số cuối năm	<u>(35.205.837.405)</u>	<u>(15.264.389.587)</u>	<u>(11.763.512.387)</u>	<u>(1.327.048.935)</u>	<u>(63.560.788.314)</u>
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	<u>44.828.882.270</u>	<u>10.688.627.576</u>	<u>7.385.257.715</u>	<u>1.111.081.708</u>	<u>64.013.849.269</u>
Số cuối năm	<u>43.100.032.547</u>	<u>11.941.929.860</u>	<u>6.475.590.732</u>	<u>1.434.974.332</u>	<u>62.952.527.471</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm vi tính</i>	<i>Bản quyền</i>	<i>VND</i> <i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	40.684.335.409	605.463.824	-	41.289.799.233
Mua mới trong năm	-	78.060.000	2.225.000.000	2.303.060.000
Số cuối năm	<u>40.684.335.409</u>	<u>683.523.824</u>	<u>2.225.000.000</u>	<u>43.592.859.233</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	446.302.520	213.863.824	-	660.166.344
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	(3.540.832.446)	(234.263.822)	-	(3.775.096.268)
Hao mòn trong năm	(299.900.296)	(130.533.332)	(38.124.999)	(468.558.627)
Số cuối năm	<u>(3.840.732.742)</u>	<u>(364.797.154)</u>	<u>(38.124.999)</u>	<u>(4.243.654.895)</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>37.143.502.963</u>	<u>371.200.002</u>	<u>-</u>	<u>37.514.702.965</u>
Số cuối năm	<u>36.843.602.667</u>	<u>318.726.670</u>	<u>2.186.875.001</u>	<u>39.349.204.338</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Quyền sử dụng đất	11.903.862.672	11.903.862.672
Khác	241.023.300	241.023.300
TỔNG CỘNG	<u>12.144.885.972</u>	<u>12.144.885.972</u>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	371.196.825	724.426.110
Chi phí sửa chữa, cải tạo	546.745.091	585.330.276
Khác	38.044.107	138.661.580
	<u>955.986.023</u>	<u>1.448.417.966</u>
Dài hạn		
Chi phí nghiên cứu giống	6.110.345.871	1.827.868.126
Chi phí thuê đất	1.017.114.294	1.017.114.294
Công cụ, dụng cụ	1.056.971.651	1.667.378.973
Chi phí sửa chữa, cải tạo	2.339.920.649	1.804.916.053
Khác	1.635.237.409	145.640.256
	<u>12.159.589.874</u>	<u>6.462.917.702</u>
TỔNG CỘNG	<u>13.115.575.897</u>	<u>7.911.335.668</u>

12. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND
	<i>Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất NAS</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm và số cuối năm	<u>1.840.270.788</u>
Phân bổ lũy kế:	
Số đầu năm	920.135.395
Phân bổ trong năm	<u>184.027.079</u>
Số cuối năm	<u>1.104.162.474</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	920.135.393
Số cuối năm	<u>736.108.314</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả bên khác	13.540.808.597	13.540.808.597	46.613.563.000	46.613.563.000
Công ty TNHH Sichuan Longping High-tech	8.864.583.300	8.864.583.300	25.570.599.197	25.570.599.197
Công ty TNHH Sichuan Nongda High-tech	4.676.225.297	4.676.225.297	4.509.452.803	4.509.452.803
Công ty TNHH Dekalb Việt Nam	-	-	16.533.511.000	16.533.511.000
Các nhà cung cấp khác	6.949.687.171	6.949.687.171	5.891.136.288	5.891.136.288
TỔNG CỘNG	20.490.495.768	20.490.495.768	52.504.699.288	52.504.699.288

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 29)	Số phải trả trong năm	Số đã trả trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.251.501.705	-	872.675.954	378.825.751
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 24.2)	9.373.849.254	14.409.636.169	22.604.945.825	1.178.539.598
Thuế thu nhập cá nhân	1.829.084.826	640.144.165	2.315.199.352	154.029.639
Các loại thuế khác	2.402.984.338	-	2.402.984.338	-
TỔNG CỘNG	14.857.420.123	15.049.780.334	28.195.805.469	1.711.394.988
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	3.837.641.497	177.451.535	474.124.896	3.540.968.136
Các loại thuế khác (Trình bày lại – Thuyết minh số 29)	58.726.504	378.528.707	284.149.268	153.105.943
TỔNG CỘNG	3.896.368.001	555.980.242	758.274.164	3.694.074.079

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại – Thuyết minh số 29)
Chi phí vận chuyển	1.180.569.352	1.098.906.255
Chi phí lãi vay	230.341.139	238.960.898
Khác	3.230.072.895	1.727.154.870
TỔNG CỘNG	<u>4.640.983.386</u>	<u>3.065.022.023</u>

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng từ quỹ VCBF	1.416.604.000	-
Cổ tức phải trả	684.696.400	15.405.310.600
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	470.421.656	1.156.473.341
Kinh phí công đoàn	161.373.768	119.157.718
Bảo hiểm xã hội	128.983.004	154.074.193
Bảo hiểm thất nghiệp	68.363.426	61.936.369
Bảo hiểm y tế	5.528.216	14.507.142
Các khoản phải trả phải nộp khác	4.343.355.237	3.513.378.489
TỔNG CỘNG	<u>7.279.325.707</u>	<u>20.424.837.852</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

17. VAY NGẮN HẠN

	VND					
	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Số tiền	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Số tiền	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	<u>57.873.097.600</u>	<u>57.873.097.600</u>	<u>228.884.440.444</u>	<u>186.409.278.044</u>	<u>100.348.260.000</u>	<u>100.348.260.000</u>

Công ty thực hiện khoản vay ngắn hạn nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Sài Gòn	27.916.050.000	Ngày 26 tháng 7 năm 2016	5,0%	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	12.168.000.000	Ngày 23 tháng 1 năm 2016	4,5%	Hàng tồn kho và phải thu khách hàng
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	40.752.210.000	Ngày 26 tháng 7 năm 2016	4,8%	Tín chấp
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	<u>19.512.000.000</u>	Ngày 18 tháng 5 năm 2016	6,5%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>100.348.260.000</u>			

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Trình bày lại – Thuyết minh số 29)	VND Tổng cộng
Năm trước							
Số đầu năm	149.923.670.000	8.520.414.412	(817.291.640)	69.635.542.187	14.986.770.145	47.746.917.688	289.996.022.792
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	86.328.135.434	86.328.135.434
Điều chỉnh thuế cho năm 2014 (Thuyết minh số 29)	-	-	-	-	-	(4.549.039.643)	(4.549.039.643)
Trích lập quỹ	-	-	-	12.258.007.012	3.493.852.215	(15.751.859.227)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.593.663.544)	(5.593.663.544)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(7.344.322.500)	(7.344.322.500)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(673.100.000)	(673.100.000)
Số cuối năm	149.923.670.000	8.520.414.412	(817.291.640)	81.893.549.199	18.480.622.360	100.163.068.208	358.164.032.539
Năm nay							
Số đầu năm	149.923.670.000	8.520.414.412	(817.291.640)	81.893.549.199	18.480.622.360	100.163.068.208	358.164.032.539
Phân loại lại (Thuyết minh số 29)	-	-	-	18.480.622.360	(18.480.622.360)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	46.302.091.423	46.302.091.423
Hoàn nhập quỹ	-	-	-	(994.266.138)	-	994.266.138	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.222.653.000)	(2.222.653.000)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(44.690.567.399)	(44.690.567.399)
Số cuối năm	149.923.670.000	8.520.414.412	(817.291.640)	99.379.905.421	-	100.546.205.370	357.552.903.563

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm và cuối năm	<u>149.923.670.000</u>	<u>149.923.670.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức công bố	44.690.567.399	7.344.322.500
Cổ tức đã trả trong năm	59.411.181.599	29.804.000.850

18.3 Vốn cổ phần

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)
Cổ phiếu được phép phát hành	14.992.367	149.923.670.000	14.992.367	149.923.670.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ				
Cổ phiếu phổ thông	14.992.367	149.923.670.000	14.992.367	149.923.670.000
Cổ phiếu quỹ	(61.412)	(614.120.000)	(61.412)	(614.120.000)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	14.930.955	149.309.550.000	14.930.955	149.309.550.000

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	595.992.453.787	677.154.707.870
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán thành phẩm	416.513.662.144	500.035.052.126
Doanh thu bán hàng hóa	179.423.073.463	177.111.330.747
Doanh thu cung cấp dịch vụ	55.718.180	8.324.997
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(73.844.437.867)	(68.529.696.369)
Hàng bán bị trả lại	(43.612.321.041)	(39.423.555.971)
Chiết khấu thương mại	(29.274.905.126)	(28.711.504.298)
Giảm giá hàng bán	(957.211.700)	(394.636.100)
DOANH THU THUẦN	522.148.015.920	608.625.011.501
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	522.148.015.920	608.625.011.501

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

19. DOANH THU (tiếp theo)

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	889.683.850	352.440.813
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	130.494.158	370.246.691
Nhận lãi hỗ trợ từ Chính phủ	-	1.064.685.083
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	-	382.210.012
TỔNG CỘNG	<u>1.020.178.008</u>	<u>2.169.582.599</u>

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	2.923.130.710	5.261.075.698
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	687.054.789	179.728.217
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	117.408.200	-
Chiết khấu thanh toán	-	580.201.265
TỔNG CỘNG	<u>3.727.593.699</u>	<u>6.021.005.180</u>

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	52.343.596.701	53.808.397.915
Chi phí nguyên vật liệu	1.491.310.317	1.918.589.731
Chi phí nhân công	7.423.839.942	6.902.617.605
Chi phí khấu hao và hao mòn	412.159.991	211.585.337
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.041.666.643	17.482.150.895
Chi phí khác	24.974.619.808	27.293.454.347
Chi phí quản lý doanh nghiệp	45.294.392.197	48.082.826.484
Chi phí nguyên vật liệu	1.676.082.828	1.945.718.223
Chi phí nhân công	19.633.037.338	23.062.983.749
Chi phí khấu hao và hao mòn	4.645.321.218	3.055.284.047
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.475.195.706	5.744.252.217
Chi phí khác	11.864.755.107	14.274.588.248
TỔNG CỘNG	<u>97.637.988.898</u>	<u>101.891.224.399</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	330.261.967.630	394.617.566.107
Chi phí nhân công	62.320.835.277	57.684.690.264
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 8,9 và 12)	11.316.480.871	9.301.662.485
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.170.375.444	35.089.875.095
Chi phí khác	47.832.753.465	23.105.195.674
TỔNG CỘNG	<u>487.902.412.687</u>	<u>519.798.989.625</u>

23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước (Phân loại lại – Thuyết minh số 29)
THU NHẬP KHÁC	5.241.228.819	1.412.269.667
Nhận hỗ trợ từ quỹ VCBF	4.719.171.000	1.085.187.000
Cho thuê kho	235.576.364	93.600.000
Lãi từ thanh lý tài sản	-	197.221.667
Thu nhập khác	286.481.455	36.261.000
CHI PHÍ KHÁC	(2.127.788.564)	(159.804.697)
Lãi phạt chậm nộp thuế	(1.872.125.460)	-
Chi phí khác	(255.663.104)	(159.804.697)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>3.113.440.255</u>	<u>1.252.464.970</u>

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Nhóm Công ty là 22% trên tổng thu nhập tính thuế.

Vào ngày 30 tháng 7 năm 2012, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận số 08/ĐK-DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh cấp, chấp thuận Công ty là Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ ("KH&CN"). Theo các quy định về Doanh nghiệp KH&CN, và các quy định về ưu đãi, miễn giảm thuế TNDN hiện hành thì Công ty được miễn, giảm thuế TNDN như doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ khi có thu nhập chịu thuế với điều kiện: doanh thu của các sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN trong năm thứ nhất từ 30% tổng doanh thu trở lên, năm thứ hai từ 50% tổng doanh thu trở lên và năm thứ ba trở đi từ 70% tổng doanh thu trở lên. Cụ thể:

- (i) Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động KH&CN; và
- (ii) Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 (bốn) năm và giảm 50% trong 9 (chín) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN hiện hành	14.567.388.116	101.941.970
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	<u>(1.428.205.651)</u>	<u>(415.829.183)</u>
TỔNG CỘNG	<u>13.139.182.465</u>	<u>(313.887.213)</u>

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận chịu thuế và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

	VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 29)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	59.532.282.136	86.227.064.265
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Thay đổi chi phí phải trả	5.814.599.829	3.874.754.517
Lợi nhuận chưa thực hiện	(1.965.348.268)	1.197.441.354
Thay đổi dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	395.669.310	450.231.886
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	2.285.692.562	188.391.904
Phân bổ lợi thế thương mại	184.027.079	184.027.079
Thay đổi trợ cấp thôi việc phải trả	(32.034.570)	92.113.250
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	66.214.888.078	92.214.024.255
Lỗ chuyển sang từ công ty con	-	-
Đã chuyển lỗ	-	(928.540.571)
Thu nhập chịu thuế ước tính	66.214.888.078	91.285.483.684
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>14.567.388.116</u>	<u>101.941.970</u>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	9.353.284.112	5.660.680.052
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu	-	4.549.039.643
Thuế TNDN đã nộp trong năm	<u>(22.742.132.630)</u>	<u>(937.812.411)</u>
Thuế TNDN phải trả cuối năm (Thuyết minh số 14)	<u>1.178.539.598</u>	<u>9.373.849.254</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	VND			
Chi phí phải trả ngắn hạn	3.365.405.629	1.579.552.429	1.785.853.200	125.790.578
Trợ cấp thời việc phải trả	215.475.387	134.983.398	80.491.989	26.601.508
Lợi nhuận chưa thực hiện	78.291.763	516.431.301	(438.139.538)	263.437.097
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	<u>3.659.172.779</u>	<u>2.230.967.128</u>		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			<u>1.428.205.651</u>	<u>415.829.183</u>

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm:

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và các chi phí liên quan	<u>849.800.000</u>	<u>721.250.000</u>

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	46.302.091.423	86.328.135.434
Trừ quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(2.222.653.000)	(6.923.276.118)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	44.079.438.423	79.404.859.316
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	14.930.955	14.930.955
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.952	5.318

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm trước đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2014 để phản ánh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 26/2015/ĐHCD ngày 17 tháng 4 năm 2015.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2015 được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2015 theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 26/2015/ĐHCD ngày 17 tháng 4 năm 2015.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là chế biến hạt giống và các sản phẩm nông nghiệp. Nhóm Công ty xem các hoạt động này là một bộ phận kinh doanh. Tuy nhiên, bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Nhóm Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Nhóm Công ty.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty bao gồm Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội, Tỉnh Tây Nguyên, Nghệ An và Quảng Nam, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty như sau:

	Hồ Chí Minh	Hà Nội	Tây Nguyên	Nghệ An	Loại trừ	VND Hợp nhất
Vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014						
Doanh thu						
<i>Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài</i>	310.109.280.819	197.429.916.728	50.571.283.897	50.514.530.057	-	608.625.011.501
<i>Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận</i>	-	43.851.275.475	-	-	(43.851.275.475)	-
Tổng doanh thu	310.109.280.819	241.281.192.203	50.571.283.897	50.514.530.057	(43.851.275.475)	608.625.011.501
Kết quả						
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận</i>	49.391.359.759	37.017.096.885	6.285.258.342	810.152.374	(1.831.700.318)	91.672.167.042
<i>Chi phí lãi vay</i>	(5.261.075.698)	-	-	-	-	(5.261.075.698)
<i>Phân bổ lợi thế thương mại</i>	(184.027.079)	-	-	-	-	(184.027.079)
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế</i>	43.946.256.982	37.017.096.885	6.285.258.342	810.152.374	(1.831.700.318)	86.227.064.265
<i>Chi phí thuế TNDN</i>	158.101.863	133.173.389	22.611.961	-	-	313.887.213
<i>Lợi nhuận thuần sau thuế</i>	44.104.358.845	37.150.270.274	6.307.870.303	810.152.374	(1.831.700.318)	86.540.951.478
Tài sản và công nợ						
<i>Tài sản bộ phận</i>	518.467.431.854	771.360.833	32.416.788	28.819.621.113	(26.941.915.375)	521.148.915.213
<i>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</i>	2.230.967.128	-	-	-	-	2.230.967.128
Tổng tài sản	520.698.398.982	771.360.833	32.416.788	28.819.621.113	(26.941.915.375)	523.379.882.341
<i>Công nợ bộ phận</i>	160.824.919.621	543.352.000	17.000.000	26.747.618.503	(24.133.854.610)	163.999.035.514
Tổng công nợ	160.824.919.621	543.352.000	17.000.000	26.747.618.503	(24.133.854.610)	163.999.035.514
Các thông tin bộ phận khác						
<i>Chi phí hình thành TSCĐ</i>	14.178.828.868	-	-	-	-	14.178.828.868
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	13.828.028.868	-	-	-	-	13.828.028.868
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	350.800.000	-	-	-	-	350.800.000
<i>Khấu hao và hao mòn</i>	9.224.631.526	-	-	77.030.959	-	9.301.662.485

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty như sau (tiếp theo)

	Hồ Chí Minh	Hà Nội	Tây Nguyên	Quảng Nam	Nghệ An	Loại trừ	Hợp nhất
VND							
Hợp nhất							
Vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015							
Doanh thu							
<i>Doanh thu từ bán hàng bên ngoài</i>	289.374.584.263	135.370.086.951	30.744.751.955	24.791.334.551	41.867.258.200	-	522.148.015.920
<i>Doanh thu từ bán hàng các bộ phận</i>	-	27.092.659.100	-	-	-	(27.092.659.100)	-
Tổng doanh thu	289.374.584.263	162.462.746.051	30.744.751.955	24.791.334.551	41.867.258.200	(27.092.659.100)	522.148.015.920
Kết quả							
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế bộ phận</i>	43.358.659.663	11.640.066.824	3.553.299.751	2.240.370.606	461.391.202	1.385.651.880	62.639.439.925
<i>Chi phí lãi vay</i>	(2.923.130.710)	-	-	-	-	-	(2.923.130.710)
<i>Phân bổ lợi thế thương mại</i>	(184.027.079)	-	-	-	-	-	(184.027.079)
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế</i>	40.251.501.874	11.640.066.824	3.553.299.751	2.240.370.606	461.391.202	1.385.651.880	59.532.282.136
<i>Chi phí thuế TNDN</i>	(9.010.483.052)	(2.651.301.518)	(809.348.363)	(510.297.585)	(157.751.947)	-	(13.139.182.465)
<i>Lợi nhuận thuần sau thuế</i>	31.241.018.822	8.988.765.306	2.743.951.388	1.730.073.021	303.639.255	1.385.651.880	46.393.099.671
Tài sản và công nợ							
<i>Tài sản bộ phận</i>	362.144.078.732	88.569.556.144	31.207.177.914	12.914.640.007	19.907.687.642	(17.109.047.946)	497.634.092.494
<i>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</i>	3.659.172.779	-	-	-	-	-	3.659.172.779
Tổng tài sản	365.803.251.511	88.569.556.144	31.207.177.914	12.914.640.007	19.907.687.642	(17.109.047.946)	501.293.265.273
<i>Công nợ bộ phận</i>	9.341.361.031	89.424.309.302	31.209.499.400	13.136.247.907	14.569.621.056	(15.248.499.523)	142.432.539.174
Tổng công nợ	9.341.361.031	89.424.309.302	31.209.499.400	13.136.247.907	14.569.621.056	(15.248.499.523)	142.432.539.174
Các thông tin bộ phận khác							
<i>Chi phí hình thành TSCĐ</i>	11.905.633.367	-	-	-	-	-	11.905.633.367
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	9.602.573.367	-	-	-	-	-	9.602.573.367
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	2.303.060.000	-	-	-	-	-	2.303.060.000
<i>Khấu hao và hao mòn</i>	11.226.374.643	-	-	-	90.106.228	-	11.316.480.871

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày như sau:

	VND	
	Số đầu năm	Số cuối năm
Dưới 1 năm	1.457.749.551	1.457.749.551
Từ 1 - 5 năm	110.998.202	110.998.202
Trên 5 năm	255.889.363	255.889.363
TỔNG CỘNG	<u>1.824.637.116</u>	<u>1.824.637.116</u>

29. SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Căn cứ vào Biên bản Thanh tra Thuế số 51/BB-CT-TT2-Đ1 ngày 16 tháng 3 năm 2015 và Quyết định xử phạt số 977/QĐ-CT-XP ngày 31 tháng 3 năm 2015 ban hành bởi Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Giám đốc Công ty quyết định điều chỉnh hồi tố thuế giá trị gia tăng, thuế TNDN và thuế thu nhập cá nhân tính thiếu cho các năm tài chính từ năm 2007 đến năm 2010 với tổng số tiền là 6.537.561.805 VND, với chi tiết như sau:

- ▶ Tăng khoản mục thuế và các khoản phải nộp Nhà nước với số tiền là 5.752.265.084 VND và đồng thời ghi giảm khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số tiền là 6.537.561.805 VND và ghi giảm khoản mục thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước với số tiền là 785.296.721 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Ngoài ra, căn cứ vào Công văn Số 13258/CT-TTH ngày 21 tháng 12 năm 2015 ban hành bởi Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Giám đốc quyết định điều chỉnh hồi tố thuế TNDN tính thiếu cho năm tài chính 2013 và 2014 với tổng số tiền là 8.457.981.830 VND, với chi tiết như sau:

- ▶ Tăng khoản mục thuế và các khoản phải nộp Nhà nước và đồng thời ghi giảm khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với số tiền là 3.908.942.187 VND; và
- ▶ Tăng khoản mục thuế và các khoản phải nộp Nhà nước và đồng thời ghi giảm khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với số tiền là 4.549.039.643 VND.

Ảnh hưởng của sự điều chỉnh này được trình bày như sau:

	VND		
	Trình bày trước đây	Các điều chỉnh	Đã trình bày lại
Ngày 31 tháng 12 năm 2013			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	58.193.421.680	(10.446.503.992)	47.746.917.688
Ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	115.158.611.843	(14.995.543.635)	100.163.068.208
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	647.173.209	14.210.246.914	14.857.420.123
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	(844.023.225)	785.296.721	(58.726.504)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

29. SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

Ngoài ra, một số khoản mục tương ứng trên báo cáo tài chính hợp nhất năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay do việc áp dụng Thông tư 200. Chi tiết như sau:

	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của phân loại lại	Số đầu năm (được phân loại lại) VND
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT			
Đầu tư ngắn hạn	365.000.000	(365.000.000)	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	365.000.000	365.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131.111.254.339	(13.189.556.318)	117.921.698.021
Chi phí phải trả ngắn hạn	16.254.578.341	(13.189.556.318)	3.065.022.023
Tài sản ngắn hạn khác	9.403.194.731	(9.343.603.621)	59.591.110
Phải thu ngắn hạn khác	5.309.336.157	9.294.253.583	14.603.589.740
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	49.350.038	49.350.038
Quỹ dự phòng tài chính	18.480.622.360	(18.480.622.360)	-
Quỹ đầu tư phát triển	81.893.549.199	18.480.622.360	100.374.171.559
	<i>Năm trước (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Ảnh hưởng của phân loại lại</i>	<i>Năm trước (được phân loại lại)</i>

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Thu nhập khác	1.734.829.000	(322.559.333)	1.412.269.667
Chi phí khác	(482.364.030)	322.559.333	(159.804.697)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	3.411.212.000	(3.411.212.000)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	10.986.798.809	(3.411.212.000)	7.575.586.809

30. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	407.647.043	417.647.043
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	14.198	1.333
- Euro (EUR)	1	1.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.



Lê Quang Hồng
Người lập



Lê Tôn Hùng
Kế toán trưởng



Hàng Phi Quang
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2016



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM



XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



Hàng Phi Quang